

Một góc nhìn về vụ án Nhân Văn Giai Phẩm

Nguyễn Văn Lược

Kinh nghiệm hiểu biết của tôi về NVGP lúc còn trẻ khá là nghèo .. Thuở ấy, tôi chỉ đọc đọc nhất cuốn Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc của Hoàng Văn Chí và thấy rằng hay. Cái nhìn của tôi về miền Bắc là cái nhìn của ông Hoàng Văn Chí thu gọn lại.

Trong dòng cảm nhận cái hay của NVGP-có rất nhiều cái hay hòa vào nhau-: Có cái hay do sự cảm phục lòng can đảm của các nhà văn- Có cái hay về sự thách thức quyền lực- Có cái hay của văn chương sắc sảo, của thâm sâu đạt lý. Có cái hay như cội riêng của mỗi tác giả như dòng thơ dững mãnh chất ngất trong thơ Trần Dần, trong truyện của Phùng Cung đến có thể nói đến một dòng văn học mang tính đối kháng.



Toà án Nhân dân Hà Nội xét xử vụ "Nhân văn - Giai phẩm" ngày 19-1-1960 (ảnh từ Talawas)

Nhưng tôi thích nhất chuyện Ông Năm chuột của Phan Khôi (1887-1959). Nó hay ở chỗ nào thì khó nói quá. Khi viết bài này, tôi thử đọc lại cũng vẫn thấy hay vì ông cụ dẫn đưa câu chuyện một cách tài tình và thâm thúy. “xỏ lá” muốn ám chỉ cái gì. Cách dẫn chuyện của Phan Khôi là một tổng hợp kinh nghiệm làm báo, vốn kiến thức đọc nhiều, vốn nhà nho cuối cùng và hiểu chế độ ấy hơn ai hết. Hiểu chế độ ấy nên tác giả đã dùng một bút pháp của thứ văn chương ẩn dụ thường được thấy trong các chính thể độc tài.

Cấm không cho nói thì phải tìm cách nói. Đó là cái biện chứng giữa ông chủ-thằng ở- biện chứng của Hegel nói về chế độ tư bản trong giai cấp

đấu tranh mà tôi đem áp dụng thẳng vào chế độ cộng sản. Biện chứng ấy cho thấy một bên muốn đè bẹp và một bên do ý thức sinh tồn muốn chỗi dậy, giữa trên và dưới, giữa kềm kẹp và nổi loạn. Cái biện chứng ấy giúp thẳng ở thoát khỏi bằng ý thức ra khỏi thân phận vong thân trong khung cảnh chính trị, trong khung xã hội. Đó là cuộc đấu tranh miên tục giữa hai phía, giữa ông chủ- thẳng ở, giữa lãnh đạo và nhà văn.

Xem thêm Trần Văn Toàn, Xã hội và con người, Nam Sơn xuất bản, 1965 và Hành Trình đi vào triết học.

Cái ám chỉ ấy, đảng cộng sản chúa là ghét và lập tức đóng cửa tờ Văn. Và có lẽ cái message mà Phan Khôi muốn gửi nằm vồn vện trong mấy câu này:” Người ta cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyên văn chương chữ nghĩa với ông cũng như ông không dạy nghề thợ bạc cho tôi”.

Vu Gia, Phan Khôi Tiếng Việt, Báo chí và Thơ Mới, trang 632

Bây giờ thì tôi hiểu tại sao họ thù ghét Phan Khôi đến như thế. Nhưng bây giờ cũng là lúc tôi hiểu cộng sản nhiều hơn- sâu hơn và cũng thâm thía hơn.

Rồi tôi đọc Xuân Vũ và bắt gặp một sự đồng cảm với tác giả. Xuân Vũ viết:

“Bây giờ đọc lại truyện Ông Năm Chuột, tôi thấy cộng sản đóng cửa báo Văn Nghệ là phù hợp với tư tưởng lãnh đạo, bởi Ông Năm Chuột là cái truyện ác thiệt. Đó là quả búa tạ ngàn cân nện vào thái dương Hồ Chủ Tiệm. Thì bọn Tố Hữu làm sao không “trừng trị” cái tờ báo đảng nó.

Kẻ hậu sinh này không dám khen bậc tiền bối, chỉ xin bái phục tác giả Ông Năm Chuột. Thời đó, Ông Năm Chuột đã trở thành nhân vật trên cửa miệng các nhà văn. Tôi xin trân trọng mời độc giả xem lại truyện ngắn của nhà văn Phan Khôi”.

Xuân Vũ, Văn Nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết, tập 2, trang 12

Vì vậy, NVGP đã gây một ấn tượng không nhỏ thời tuổi trẻ của chúng tôi ở miền Nam. Ấn tượng ấy cứ ăn sâu vào tiềm thức và tồn tại cho đến tận bây giờ.

Tuổi trẻ miền Nam kíp lớn lên có nhiều cơ hội tiếp cận văn chương trong nước cũng như thế giới. Thuở bắt đầu trung học thì Tự Lực Văn Đoàn với các văn hào như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam chiếm trọn thế giới

tuổi học trò. Ở bậc cuối trung học thì làm quen với thứ Văn chương của nhóm Sáng Tạo với Mai Thảo và những người ở ngoài nhóm như Nguyên Sa rồi Võ Phiến vv Bước lên bậc Đại học, nhất là khi bước vào ngưỡng cửa trường học của Platon-Aristote thì cũng đã có một thời ngây dại với triết học Hiện sinh.

Đây là thời kỳ bị nhiễm trùng nặng nhất. Bởi vì triết học Hiện sinh nó không còn là thứ văn chương thường ngoạn mà là những suy tưởng đặt lại toàn bộ giá trị con người-cuộc đời, ngay cả mục đích ở đời, sự hiện hữu ở đời trong thân phận làm người, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh! Ăn, ngủ, thờ với triết học Hiện sinh trong lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của Hiện Sinh và nhất là lối viết Hiện sinh sinh với những phạm trù như hư vô, phi lý thừa thãi, dự phóng, nôn mửa, những thắc mắc siêu hình, phản kháng. Thật sự những khái niệm trên chỉ có thể lồng trong khuôn khổ văn hóa Tây Phương mà nếu áp dụng ở Việt Nam chỉ là sự bất chước vụng về!!

Đến có thể nói, đã có một thời, một số không nhỏ thanh niên miền Nam trở thành những đứa con hoang trong triết học Hiện sinh ..

Xin đọc thêm các bài viết của tác giả như: Triết học Hiện sinh ở miền Nam trong: 20 năm miền Nam Việt Nam, 1955-1975, trang 414 và Những người con hoang của J.P Sartre, trên tạp chí Tân Văn số 3, trang 49

Nhưng rồi thời gian như xóa mờ tất cả. Nó đẩy lui tất cả những trào lưu văn học đã từng đánh dấu một thời. Đẩy lui không mang ý nghĩa phủ nhận, nhưng chỉ thị một giai đoạn văn học đã bị vượt qua. Nó là một chuỗi những vận động văn học có sử tính đi từ Nam Phong với Phạm Quỳnh sang Tự Lực Văn Đoàn với Nhất Linh rồi Sáng Tạo với nhóm Mai Thảo.

Những người trong cuộc như Nhất Linh có thể đôi khi cảm thấy cay đắng phũ phàng như một phản bội của độc giả !!

Tuy nhiên, nhìn lại, tôi nhận thấy hầu như có một nhà văn đã đáp ứng được phần nào xu hướng và nhu cầu vọng thời đại của người đọc- khát vọng của con người trong hoàn cảnh chiến tranh.

Đó là nhà thơ Nguyên Sa, Trần Bích Lan với tập thơ Nguyên Sa, 1960 và những bài viết tham luận của ông trên các tờ Hành Trình, Thái Độ và nhất là Đất Nước. Ông rời bỏ nền văn chương trú ẩn, rời tháp ngà văn chương ca tụng tình yêu lãng mạn để có thái độ dấn thân, nhập cuộc.

Thơ Nguyên Sa, Những năm 60, nxb Trình Bày

Nhất là giai đoạn chiến tranh ở cường độ ác liệt thì triết lý Hiện sinh dễ trở thành một món hàng xa xỉ phẩm. Nó không át được tiếng bom đạn, nó cũng không có câu trả lời cho sự mất mát một còn của cuộc chiến tàn bạo này!!

Rồi đất nước chuyển mình vào một thời kỳ mông muội, vô lý, đọa đầy, xỉ nhục không phải dưới gót giày “xăng đá” mà là Đôi dép râu “ giải phóng miền Nam”.

Và đây là cả một thời kỳ văn học miền Nam bị xóa sổ !! Sự xóa sổ ấy đụng chạm đến nhu cầu đọc của người dân miền Nam cũng như niềm tự hào của dân chúng miền Nam. Nỗi xỉ ấy nhục để dầu gì quên được!

Xem thêm: Sách cũ miền Nam 1954-1975 của tác giả trong cuốn Lịch sử còn đó, trang 461

Một cách vô thức, tôi tìm lại được câu trả lời cho thân phận con người bị cùm kẹp trong chế độ XHCN trong hai dấu mốc văn học lớn của miền Bắc XHCN.

Nếu bỏ ra ngoài dòng văn học chính thống nhằm tô hồng cho đảng với những văn công thì còn lại hai dòng văn học được gọi là phản kháng:

– Dòng thứ nhất với Nhân Văn Giai Phẩm mà đại diện là những Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phan Khôi, Phùng Cung trên dưới vài chục người.

– Dòng văn nghệ phản kháng thứ hai vào các năm 1986-1990 với những Dương Thu Hương, Nguyễn Minh Châu, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Huy Thiệp vv..

Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm cho đến nay là điển hình cho sự đàn áp thô bạo chính trị trên Văn Học.

Nó biến những đòi hỏi mang tính văn học thành những âm mưu chính trị như nhằm lật đổ chế độ. Đặc biệt chụp mũ một cách thô bỉ bà Thụy An làm gián điệp cho Pháp và những nhà văn hay lui tới nhà bà Thụy An thành những kẻ đồng lõa như trường hợp Lê Đạt.

Huy Cận- một cận thần của Tố Hữu- vào lúc cuối đời tại Paris đã nhìn nhận sai lầm đó. Nó đã để lại nhiều tai tiếng chẳng khác gì Cải cách ruộng đất cho đến tận bây giờ- Cải cách ruộng đất đã biến một số nông dân mà theo Trần Đức Thảo trở thành một thứ ” côn đồ hóa nông dân”.

Trần Đức Thảo, Nội dung xã hội và hình thức tự do, Giai phẩm Mùa Động tập I năm 1956, trích lại trong Hoàng Văn Chí, Trăm Hoa đua nở, trang 398

Nhưng ngược lại, nó biến các nhà văn trong NVGP thành những kẻ anh hùng hay những kẻ tử đạo bất đắc dĩ trong Văn học !!

Đồng thời nó cũng đã để lại những hệ lụy xót xa mà đọc đến rơi nước mắt về số phận một số nhà văn- Tiếng tăm và hệ lụy như số phận dành cho các nhà văn ấy. Và ngược lại nó để tiếng xấu muôn đời cho các nhà lãnh đạo như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Tố Hữu, Hoàng Văn Hoan và Nguyễn Đình Thi.

Sự nghịch lý là tên tuổi những người bị đánh trong NVGP tưởng đã bị chôn vùi sau 30 năm hoạn nạn thì nay được nhắc tới một cách trân trọng.

Sách của họ được in lại như các cuốn Trần Dần được xuất bản ở Paris. Phùng Cung, truyện và thơ do nhà xuất bản Văn Nghệ in năm 2003. Số phận văn chương phê bình của Trương Tửu bị Hoài Thanh đánh là “kẻ buôn lậu chủ nghĩa” nay được rà soát lại và đánh giá trong “Tuyển tập nghiên cứu phê bình Trương Tửu”, 2007. Phần Phan Khôi, có cuốn của Vu Gia, Tiếng Việt, Báo Chí và Thơ Mới, TP HCM, 2003 như một sự nhìn nhận lại giá trị Phan Khôi trong lãnh vực báo chí và phê bình. Trần Đức Thảo vẫn đứng sừng sững cao trên mọi người mặc dầu cả đời lận đận với chữ nghĩa. Tờ Hợp Lưu đã dành cả một số báo để nói về sự nghiệp Trần Đức Thảo. Và hàng trăm bài báo đủ loại đã viết về ông.

Xem Hợp Lưu và diễn đàn Talawas.org

Cuộc đời Trần Đức Thảo thật gian truân quá.

Tài ba xuất chúng, nhưng đời sống ông khôn đốn vì cái xuất chúng ấy. Ông có người vợ tên Nguyễn Thị Nhất, không có con, vì khác nhau về tính tình nên bà Nhất đã nộp đơn ly dị, năm 1960. Năm 1963 bà Nhất lấy bác sĩ Nguyễn Khắc Viện từ Pháp về. Khi TĐT bị ngồi tù, cũng nhờ bài nói hộ một tiếng với Phạm Văn Đồng mà Trần Đức Thảo đang ở trong tù được thả ra.

Trong khi đó những bài luận tội đánh NVGP của Phạm Huy Thông, Hoài Thanh, Ngụy Như Kontum, Bằng Sĩ Nguyên, Lương Xuân Nhị, Phùng Bảo Thạch thì chẳng để lại được gì – ngay cả tư cách của họ cũng không còn nữa-

Có lẽ thời gian là cách đánh giá trung thực nhất về NVGP và về mối tương quan Văn Học-Chính trị. Thời gian phục hồi giá trị các sáng tác của nhóm NVGP và Nhân phẩm của họ.

Đối với một số nhà văn trong NVGP, họ chỉ muốn được tự do sáng tác. Đó là những đòi hỏi ở phạm vi của văn học. Nhưng không thể nói thẳng, người ta nói vòng quanh, ẩn dụ. Vì thế mà Họ quả thật có viết "chạm nọc" thật như trong chuyện Ông Năm Chuột, Con ngựa già của Chúa Trịnh, Ông Bình Vôi.

Nhưng sau này cũng đã biết bao nhiêu nhà văn viết chạm nọc như thế . Nguyễn Công Hoan viết "Đống rác cũ", Trần Văn Thủy làm phim với " Hà Nội trong mắt ai" và " Chuyện tử tế", Dương Thu Hương với " Bên kia bờ ảo vọng", Về nhà trước cơn mưa của Trang Thế Hy, Con Khướu sổ lòng của Nguyễn Quang Sáng theo cái kiểu: Trời càng tối thì đóm càng sáng- Từ bùn, vẫn có sen vươn.

Và đến cái lúc đó thì có thể nói sau này có thể hệ nhà văn không còn biết nhượng bộ nữa. (Génération sans concession).

Nhưng dù viết thế nào thì đó là cách thức duy nhất họ có thể xử dụng để nói với lãnh đạo Đảng. Vì thế, nếu coi nó là chuyện văn học thì những đòi hỏi như thế là chuyện bình thường. Nhưng gọi nó là một vụ án NVGP thì nó không còn là văn học nữa. Nó là chính trị rồi.

Tóm lại NVGP đối với các nhà văn lúc bấy giờ là một đòi hỏi văn học, đòi trả về cho văn học cái mà nó cần có để văn học là văn học. Còn đối với lãnh đạo Đảng NVGP được coi như một vụ án chính trị mà các nhà văn là những kẻ quấy rối về chính trị.(Sabotage politique).

Đó là hai quan điểm nhìn của hai phía. Một cái nhìn văn học và một cái nhìn chính trị.

Thật vậy nếu chúng ta giả dụ đặt vị thế NVGP xảy ra ở miền Nam VN thì tình huống sẽ như thế nào? Câu trả lời sẽ dễ vì chỉ cần so sánh số phận các nhà văn đã chọn lựa ở lại miền Bắc và những nhà văn đồng lứa đã chọn lựa di cư vào Nam. Những Vũ Hoàng Chương, Tạ Tỵ, Phạm Duy, Mai Thảo, Trần Văn Tuyên nếu ở ngoài Bắc thì sẽ thế chỗ Trần Dần, Văn Cao và ngược lại.

Họ cùng một thế hệ- tài ba ngang ngửa, ngang tầm nhận thức- mà chỉ khác nhau về sự chọn lựa ở lại hay ra đi. Nhưng từ đó lại có hai số phận. Giả dụ Nguyễn Mạnh Tường chọn miền Nam thì số phận thua gì giáo sư

Vũ Văn Mẫu, luật sư Nguyễn Văn Huyền?

Có lẽ Dương Thu Hương là người đầu tiên nhận ra sự khác biệt giữa hai không khí sinh hoạt văn học giữa hai miền khi bà đặt chân đến Sài Gòn lần đầu. Bà viết:

“Sau 30-4-1975, tôi vào miền Nam trong khi các phụ nữ khác lóa mắt vì vải lụa, son phấn, hàng hóa, tôi choáng váng nhận thấy hệ thống thông tin ở đó quá phong phú. Trên các quầy sách thấy bên cạnh vô vàn các tác phẩm văn chương, khoa học, triết học của thế giới cổ và kim, đông và tây, bày rất nhiều những sách triết học Mác-Lênin, sách văn học Nga và Xô Viết như Tsekop, Doxtôiepski, Gorki vv.. Trong khi ở miền Bắc hàng bao năm trời chúng ta chỉ có một thứ đài Galen tự lắp, nhà nào khá lắp có cái đài xiongmao, trên các quầy sách hầu như chỉ có sách của phe xã hội chủ nghĩa”.

Dương Thu Hương tự bạch- Người phỏng vấn Nguyễn Trọng Chức, trích lại trong Trăm hoa vẫn nở trên Quê Hương, trang 194.

Có thể cái cảm giác của bà Dương Thu Hương khi đến miền Nam trong lúc còn tranh tối, tranh sáng, bà đã được thở hít trong giây lát không khí tự do trong sáng tác trong văn học.

Những cảm nghiệm hiếm quý như thế chỉ những người cầm bút mới cảm nghiệm trọn vẹn được. Và phải chăng nó đã mở đường cho những tác phẩm đánh dấu một thời cao trào văn nghệ phản kháng với Bên Kia bờ ảo vọng rồi tiếp theo Những Thiên Đường Mù.

Cảm nghiệm tự do là cảm nghiệm hiện sinh của người cầm bút. Nó quý báu vô vàn mà những kẻ làm chính trị không bao giờ hiểu được.

Cũng cùng một cảm nghiệm như thế khi còn ở miền Bắc, khi nhà văn Vũ Thư Hiên kể một cách ngậm ngùi cái cảnh một số nhà văn đến nhà “tiên chỉ”(ám chỉ Văn Cao) để quây quần chia sẻ với nhau một chút rượu và ít viên lạc. Một lúc nào đó, cái thân hình Văn Cao vừa ốm yếu, vừa trở xương còm cõi vô tình để rơi giọt nước mắt trên chén rượu!! Quả thật là cảnh uống rượu hòa với nước mắt. Cái cánh xót xa ấy nói sao cho cùng !! Tại sao Văn Cao cầm ly rượu mà rơi nước mắt? Vì ông cảm nghiệm sâu xa về thân phận người cầm bút? Một cảm nghiệm mà Nguyễn Huy Thiệp mô tả:

“Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong những lý thuyết chấp vá đầy nguy hiểm!!”

Cái cảnh ấy không thể tìm thấy ở đâu, chỉ có thể xảy ra ở miền Bắc.

Một chút so sánh giữa Văn Cao-Phạm Duy là so sánh giữa hai chế độ chính trị và hai hình loại sinh hoạt văn học. Chính sự khác biệt hai thể chế chính trị đã định hình hai số phận. Phạm Duy ở bên này bờ vĩ tuyến 17 tự hào sáng tác được một nghìn bài ca. Văn Cao chỉ ở bên kia của dòng sông chỉ sáng tác được một bài và sau đó bỏ đi vẽ bìa sách kiếm tiền độ nhật.

Và Nguyễn Thanh Giang nhân viết về Văn Cao đã mạt sát Đảng như sau:

“Đầy đọa một Nguyễn Văn Cao- bạc tiền bồi của cách mạng- là sự trả đũa lương tri một cách tàn ác, làm nhục danh Đảng. Bóp nghẹt cái Mùa-Xuân-Văn-Cao của đất nước, của dân tộc, làm cho nó không thể nào nở được càng có tội bội phản lớn hơn đối với nhân dân Việt Nam. Ai biết được có bao nhiêu sông Lô, bao nhiêu Thiên thai đã nghẹn lại , không thể ra đời. Và như thế đất nước đã mất đi bao nhiêu cái có thể còn quý giá hơn những gì đã biết của Văn Cao”.

Tản mạn về người viết Tiến Quân Ca, Nguyễn Thanh Giang, Hợp Lưu số 80, 2005, trang 5

Hiểu được cái dòng sông địa lý phân cách bên này bên kia mà ta có thể chia xẻ một cách dễ dàng hơn những lời thú tội của Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Nguyễn Tuân- đọc để thấu hiểu- và điều đó chỉ vạch cho ta thấy chế độ ấy tàn bạo thế nào đến hủy diệt cả nhân cách một con người.

Vậy mà sự việc xảy ra nay đã trên nửa thế kỷ nhắc lại xem ra vẫn còn nóng hổi.

Có một điều chắc chắn là những gì NVGP đã làm không bị rơi vào quên lãng và không vô ích. Thế hệ của các nhà văn miền Bắc phản kháng sau này những năm 1986-1989 đã hẳn chịu sức hút của các nhà văn trong NVGP như Trần Dần, Phan Khôi, Hữu Loan hơn là từ các cửa hàng Văn mậu dịch của Hội nhà văn !!

Bên Kia sông Đuống của Hoàng Cầm hay Màu tím Hoa sim của Hữu Loan thì vẫn dễ thu hút hơn là hàng trăm thứ Hoa cúc đều nở ra cùng một thứ hoa cúc vạn thọ của Đảng.

Chỗ của các nhà văn trong NVGP, dù bị xóa sổ vẫn nằm lấp ló trong chỗ sâu kín của các nhà văn thế hệ đàn em như Phạm Thị Hoài, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Duy. Chẳng hay dấu ấn Trần Dần đã hằn in trong tâm hồn một nhà văn trẻ như Phạm Thị Hoài?

Đảng dù trù dập họ đã không bao giờ trù liệu được rằng những nhà văn trong NVGP đã để lại một di sản tinh thần cho các thế hệ nhà văn trẻ của miền Bắc sau này những năm 1986!!

Chính trị đã thất bại và văn học đã lên ngôi.

Và có thể nói NVGP năm 1958 và Cao trào phản kháng 1986 đánh dấu những chặng đường lớn của Văn học miền Bắc!!

Cái gì còn để lại nơi họ và cái gì bị mất đi sau họ. Cái nghịch lý của thời gian lịch sử là họ càng bị chìm xuống thì thời gian càng làm cho họ lớn lên !! Ngày hôm nay, ta đang được hưởng cái lớn của họ đang tỏa sáng. Vì thế người đời có thể sẽ chẳng bao giờ quên được Nguyễn Tuân với Vang bóng một thời, Chùa Đàn và Chiếc Lư đồng mắt cua.. Nhưng thử hỏi xem ai còn nhớ Đề cương Văn hóa của Trường Chinh? Ai còn đọc Ý nghĩa cuộc đấu tranh trong Văn Nghệ của Tố Hữu?

Tài liệu viết về NVGP từ phía miền Bắc thì hầu như không có bao nhiêu. Theo Lê Hoàn Nguyên sau hơn nửa thế kỷ NVGP, miền Bắc chưa có một công trình nghiên cứu nào xứng tầm, ngoài một vài cố gắng lẻ tẻ của những người như Lại Nguyên Ân.

Điều đó hiểu được, vì sau 30 năm, nhiều nhà nghiên cứu và phê bình miền Bắc vẫn e ngại khi viết về NVGP. Đám tang Phan Khôi vào năm 1960 vốn vẹn có 7, 8 người mà ngay những người cháu của ông cũng không có mặt. Sau này, khi Nguyễn Hữu Đang mất vào ngày 8/2/2007, tại Hà Nội, tang lễ của ông cũng chỉ được tổ chức trong vòng giới hạn và lặng lẽ.

Ông Nguyễn Huy Thắng, con trai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng- NHT được coi là một trong những người bạn thân thiết của ông NHD-. Ông Nguyễn Huy Thắng cũng không có cơ hội đến vĩnh biệt người bạn thân của bố mình.

Bóng ma cộng sản chờn vờn ngay cả trên số phận những người đã chọn ra đi vĩnh viễn.

Phía nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội hẳn đã có những nỗ lực “làm quên” những gì liên quan đến NVGP hoặc muốn “tẩy xóa” một kỷ ức không mấy tốt đẹp bằng cách giáo hoạt phục hoạt cho các nhà văn trong NVGP mà vẫn không nhìn nhận lỗi lầm quá khứ ấy.

Cũng có một số các bài báo thì đều viết theo chỉ thị của Đảng như các bài của Hoài Thanh, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Xuân Diệu..”. Cuốn sách xuất hiện sớm ở ngoài Bắc là cuốn Bọn Nhân văn giai phẩm trước tòa án dự luận. Thực ra cuốn sách cũng chỉ là tập hợp các bài báo đánh phá NVGP- Khoảng 83 bài lớn nhỏ- đặc biệt là đánh phá Nguyễn Hữu Đang- với một số cò mồi như Bằng Sĩ Nguyên, Mạnh Phú Tứ, Thiều Quang, Như Phong, Hồng Vân vv.

Có những tác giả như cụ Nguyễn Đồng Chi sau này tiết lộ cho biết bị chỉ định đánh Phan Khôi. Trước khi chết, cụ chối lại cho con trai là Nguyễn Huệ Chi ráng rửa cái vết như đó cho cụ:



Nguyễn Đồng Chi

“Thưa chị Thụy Khuê, bản thân tôi, tôi đã chứng kiến người bố của tôi, Nguyễn Đồng Chi, viết bài phê phán học giả Phan Khôi, theo yêu cầu của người khác, khác với tính cách của ông, rồi sau đó đã không ngớt ân hận. Tôi phải nói lại chuyện này để chị hiểu cho có đầu đuôi một chút. Tức là kể từ thuở tôi còn là sinh viên, tôi và ông bố của tôi đã đối xử với nhau như bạn bè, có gì trong học thuật cũng trao đổi với nhau. Thời kỳ ấy, tôi nhớ vào khoảng tháng 3 năm 1958, hai bố con tôi, nhân ngày chủ nhật cùng nhau đi chơi, từ Ô Đống Mác đi lên Tràng Tiền. Đến ngã tư Tràng Tiền, rẽ về phía Nhà Hát Lớn, tới gần hiệu Bodéga, nhìn thấy hai bên đường có những tờ báo treo thòng xuống, vì ở đây có chỗ bán sách báo, thì ông ấy hình như sực nhớ lại, mới nói với tôi thế này: “Ông Liệu, – tức là nhà sử học Trần Huy Liệu, thủ trưởng của bố tôi, Trưởng ban nghiên cứu Văn sử địa lúc bấy giờ -, ông Liệu có nói với bố là: Phan Khôi thì rõ là sai rồi, bởi vì tự dựng lại dựng ra làm Chủ nhiệm báo “Nhân Văn”, để cho những anh em trẻ nhân danh đòi tự do cho văn nghệ mà thoát ly đường

lối lãnh đạo của Đảng, cho nên Phan Khôi phải chịu trách nhiệm về việc ấy. Thế nhưng đối xử với Phan Khôi như thế là không được, như thế là nặng, bởi vì Phan Khôi là một học giả nổi tiếng và là một trí thức lão thành, không thể đánh đồng với những người khác”. Tôi nghe bố tôi nói vậy, cũng chỉ biết vậy. Rồi hai bố con đi trở về.

Nhưng sau đó khoảng chưa đầy một tháng, tự nhiên một hôm bố tôi đi làm về, buổi chiều tôi nhận thấy ông có một thái độ lặng lẽ khác thường, đi đi lại lại trên sân đình (hồi ấy chúng tôi còn phải ở nhờ một túp lều dột nát bên cạnh đình An Cư trong xóm Thanh Nhàn, trời mưa thì nước giọt tứ tung, và ban ngày tối như hũ nút và chật chội, đến nỗi hầu như cả nhà phải thường xuyên “tản cư” lên sinh hoạt tạm trên hè và sân đình) mà không nói gì. Tôi mới hỏi: hôm nay có chuyện gì mà bố có vẻ ưu tư thế? Bố tôi đáp: Bố mới nhận được một nhiệm vụ khó nghĩ quá. Tôi hỏi việc gì. Ông nói: Phải phê phán Phan Khôi. Tôi nghe hơi ngạc nhiên, bèn nói: Ủa, thế hôm trước bố đã nói thế rồi cơ mà? – Nhưng hôm nay thì yêu cầu đặt ra là tờ tập san Văn sử địa phải có một bài phê phán Phan Khôi mà bố được lãnh cái trách nhiệm ấy.

TK: Vậy ông cụ anh đã soạn bài viết ấy như thế nào? Anh có được đọc trước không và nếu anh được đọc, thì ý kiến của anh hồi ấy ra sao?

N.H.C.: Vài hôm sau thì thấy bố tôi bắt đầu đi thư viện, đi lục lọi, sưu tầm ở thư viện rất miệt mài. Và độ chừng 15 ngày sau nữa thì nghe bố tôi bảo: “Bố sẽ cố gắng chỉ nói về Phan Khôi trong giai đoạn từ 1945 về trước thôi. Còn giai đoạn sau, bố không nói, bởi vì xem ra, những bài ông ấy viết trên các tờ “Giai Phẩm”, tờ “Nhân Văn”, thì không có gì để nói được, là bởi vì ông ấy phê phán lãnh đạo văn nghệ, mà việc ông ấy phê phán một cái tập thể đứng ra thẩm định giải thưởng, đồng thời lại đưa tác phẩm vào để xin được trao giải, thế thì cái tập thể ấy có còn đạt được tiêu chuẩn gì gọi là dân chủ, gọi là công bằng nữa hay không? Thì bố thấy ông Phan Khôi nói chuyện ấy rõ là được chứ. Cho nên bố chỉ khoanh lại, nói về ông ấy từ 45 trở về trước cho tiện”. Sau đó thì bố tôi bắt đầu viết và tôi cũng tin là bố tôi sẽ nói một cách chừng mực thôi. Nhưng khi bài viết xong, đưa cho tôi, phải nói tôi có hơi choáng người, vì những lời lẽ ông ấy viết rất nặng. Nhưng vì kính trọng bố cho nên tôi không nói gì, vả chăng lúc bấy giờ tôi cũng nghĩ là Phan Khôi sai, tuy rằng thật tình tôi chưa biết nhiều lắm về cụ Phan Khôi, nhưng tôi vẫn nghĩ là cụ Phan Khôi sai lầm, cho nên bố tôi đã nói thế chắc là phải đúng”

Phỏng vấn của Thụy Khuê.

Bà Hằng Phương, cháu gọi Phan Khôi bằng bác chẳng biết có chịu áp lực gì không cũng ú ớ phê bình. Lúc Phan Khôi chết, không dám đi

đưa đám. Nguyễn Khắc Viện, lấy vợ của bạn là Trần Đức Thảo muối mặt phê bình TĐT:”Rồi Trần Đức Thảo để chứng minh thuyết của mình lượm lặt những báo Pháp France-Observateur, Express, Temps modernes đem luân chuyển cho người này người nọ xem và học hỏi. (...)Được tâng bốc là người kế nghiệp của Các Mác, Trần Đức Thảo tự cho mình là nhà triết lý độc nhất của Việt Nam, và mơ tưởng một cuộc cách mạng thứ hai, trong đó Thảo sẽ là người dẫn đường chỉ lối.

Nguyễn Khắc Viện, Câu chuyện Nhân Văn- Giai Phẩm và vấn đề trí thức trong cuộc Cách mạng ngày nay. Tạp chí Văn Nghệ, số 16, tháng 9, năm 1958, trang 56-57. Bản điện tử do Talawas thực hiện.

Cho nên, phần lớn sách vở tài liệu viết về NVGP sau này là ở ngoài Việt Nam.

Tác phẩm viết sớm nhất được xuất bản ở Sài Gòn là của ông Hoàng Văn Chí Trăm hoa đua nở trên đất Bắc cũng vào năm 1959. Tài liệu này được coi là chính thức, căn bản nói về NVGP . Tuy nhiên, Nó bị Heinz Schutt đánh giá là tài liệu Tâm lý chiến trong chiến tranh lạnh.

Heinz Schutt, Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua nở ở Việt Nam, trang mở đầu .

Cho đến nay, người ta vẫn không hiểu được vì lẽ gì, tác giả Hoàng Văn Chí không đề cập đến ông Nguyễn Hữu Đang, Trương Tửu, Lê Đạt và bà Thụy An- mấy nhân vật quan trọng của nhóm NVGP- trong cuốn sách của ông? Về phần trích dẫn bài thơ Nhất Định Thắng của Trần Dần tác giả có ghi rõ: “Bài thơ này đã gây nên cuộc đấu tố tác giả, khiến tác giả phải cứa cổ tự tử. Vì vậy nên tuy dài, chúng tôi cũng đành tron bài”.

Hoàng Văn Chí, Trăm hoa đua nở trên đất Bắc, 1959, Sài gòn, in tại Hải ngoại năm 1990.

Nhưng sự thực thì bài thơ của Trần Dần đã bị tác giả Hoàng Văn Chí cắt mất 1/4 bài- phần nhà thơ Trần Dần viết về miền Nam-.

Nhưng mặc dù có một vài khuyết điểm, cuốn Trăm Hoa Đua Nở vẫn là cuốn sách căn bản nhất về NVGP.

Cuốn sách xuất hiện sau đó khá quan trọng khá đầy đủ chi tiết có lẽ là cuốn Cent Fleurs écloses dans la nuit du Viet Nam(Trăm hoa đua nở ở Viet Nam) của Georges Boudarel, năm 1991. Nhưng cuốn này ít

được người Việt trong cũng như ngoài nước biết tới.

Bên cạnh đó còn có một vài tác giả khác viết về NVGP như Derselbe và Honey, P.J

Cuốn sách quan trọng là Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua nở ở Việt Nam 1954-1960 của Heinz Schutte, 2009. Cuốn này đặc biệt là tác giả đã từng về sống ở Hà Nội, phỏng vấn khá nhiều người trong cuộc và ngoài cuộc, đọc và trích dẫn nhiều nguồn tài liệu, đặc biệt là tài liệu lưu trữ của tòa đại sứ Đông Đức ở Hà Nội. Cái ưu thế của ông là vì có dịp sống ở Hà Nội, tiếp xúc được nhiều nhà thơ, nhà văn và nhất là tham khảo các báo cáo của tòa đại sứ Đông Đức ở Hà Nội.

Nhưng những ai là độc giả của Talawas sẽ không thể quên công trình sưu tập hiếm có cho in lại toàn bộ các bài viết chống NVGP của Hằng Phương, Tố Hữu, Hoài Thanh, Xuân Diệu, Đoàn Văn Cừ vv.. và các bài "tự thú" của Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán vv trên mạng Talawas của nhà văn Phạm Thị Hoài.

Người ta thấy có tất cả có 121 bài viết có liên quan xa gần đến NVGP. Đây là những tập tài liệu để làm "sáng tỏ" sự thật về NVGP mà Hà Nội muốn quên. Họ đã không muốn vạch áo cho người xem lưng.

Nếu được in thành sách thì cuốn sách sẽ là những tư liệu hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu phong trào này.

Rất mong nó sẽ có dịp ra mắt bạn đọc.

Trong dịp ông Nguyễn Hữu Đang qua đời ở tuổi 95, Talawas cũng đã cử một đại diện là nhà thơ Hoàng Hưng ở trong nước phúng điệu một vòng hoa, có băng đề rõ ràng Talawas thành kính phân ưu. Ban tổ chức đám ma đã tặng lời danh xưng Talawas đi ..Tuy nhiên là những chuyện vặt vãnh không đáng như thế mà họ vẫn có thể làm!!

Mới đây nhất, bà Thụy Khuê có cho xuất bản cuốn sách khá đồ sộ, gần 1000 trang, do Tiếng Quê Hương xuất bản. Bà Thụy Khuê, RFI, đã có dịp phỏng vấn một số nhà văn còn sống sót và ghi lại trung thực ý kiến của họ. Đó là cuốn Nhân Văn Giai Phẩm và vấn đề Nguyễn Ái Quốc. Cuốn sách chứa đựng nhiều tài liệu hơn cuốn của Hoàng Văn Chi- khách quan hơn và tránh tối đa mọi phẩm bình của tác giả. Tác giả đã có dịp phỏng vấn trực tiếp những nhà văn hàng đầu của NVGP- đặc biệt là ông Lê Đạt ở Paris và những người khác như Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm, Trần Duy .. và đã giải mã được nhiều điều bí ẩn về NVGP. Nhưng cũng rất tiếc là mặc dù tác giả đã về Việt Nam vào năm 1995- theo tác giả- nhưng

do sự kiểm soát của nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội, tác giả đã không có cơ hội tiếp xúc và phỏng vấn nhiều người trong đó có người có vai trò quan trọng nhất là ông NHD-. Nhưng ngay tác giả Heinz S Chutt dù về Hà Nội lâu cũng chỉ có bản trả lời của Nguyễn Hữu Đang bằng tiếng Pháp. Ông là người bị Hà Nội theo dõi cho đến lúc xuống mồ. Cuốn sách của bà Thụy Khuê được coi là một thành công xét về mặt học thuật viết bằng tiếng Việt đáp lại được lòng mong mỏi của nhiều người.

Số những nhà văn trực tiếp viết trong NVGP thì con số không quá vài chục người, nhưng Hà Nội đánh cả chùm nên liên hệ xa gần gì với NVGP đều bị đưa vào sổ đen. Theo sổ thống kê của công an Hà Nội do Lê Hoài Nguyên đưa ra thì con số những người tham gia vào NVGP và bị xử lý nặng là gần 100 người

Thụy Khuê, Nhân Văn Giai Phẩm, trang 150 .. Lê Hoài Nguyên làm ở Cục " Bảo vệ cơ quan văn hóa- Bộ Công an – nên có thể có cơ hội có được danh sách đầy đủ những nhà văn bị theo dõi và nghi ngờ.

Và cũng theo ông Lê Hoài Nguyên, còn có những người liên hệ xa gần có thể lên đến con số cả ngàn người.

Cho nên, điều mong mỏi là có một ấn phẩm khả thi có điều kiện để rà soát toàn bộ về những người tham gia vào NVGP mà rất nhiều điều vẫn chưa được sáng tỏ. Không phải chỉ từ những người trong cuộc mà ngay cả từ giới sinh viên, thanh niên như trường hợp Nguyễn Huệ Chi lúc đó còn đang là một sinh viên.

Chúng ta mong mỏi có tác phẩm có thể " làm sống lại" NVGP trong không khí chính trị văn học thời đó. Tôi cứ mừng tượng cái không khí xôn xao hừng khởi, với đầy lo sợ bất chắc khi Giai Phẩm Mùa Xuân được tung ra. Dân chúng thủ đô Hà Nội, -dù đói- dù nghèo chạy lo từng bữa ăn- mà tranh mua hết Giai Phẩm Mùa Xuân đến độ họ phải quyết định tái bản lần thứ hai !! Cái không khí hừng khởi đầy tính lãng mạn văn học và chính trị mà NVGP đã tạo ra được thật khó xảy ra lần thứ hai.

Mặc dầu vậy, cuốn sách của bà Thụy Khuê được ra đời đúng lúc, đáp lại sự mong đợi của nhiều người. Nó khơi lại cả một thời đen tối của Văn học miền Bắc còn bị che dấu nhiều mà chủ yếu dựa trên các cuộc phỏng vấn các nhà văn trong vụ NVGP như Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, nhà thơ Hoàng Cầm vv. Nó đạt được những thông tin chính thức và trực tiếp của người trong cuộc mà hậu quả là mở ra những cánh cửa từng bị khép kín hoặc hiểu sai từ nhiều thập niên qua.

Đã có một thời kỳ NVGP- một thời kỳ được coi là xô động nhất và cũng đen tối nhất của lịch sử văn học miền Bắc, vốn vện kéo dài trong hai năm trời 1956-1958! Thì có lẽ cũng cần có một thời kỳ Hậu NVGP phơi bày trọn vẹn những gì đã xảy ra trong thời kỳ đó.

Việc đánh giá NVGP

Việc đánh giá lại NVGP là một đòi hỏi tinh thần và trách nhiệm khá cao Trên mặt trận tranh đấu lý tưởng, việc một số nhà văn, trí thức dám cất lên tiếng nói của mình trong giai đoạn 1955-1956 là vô cùng khó khăn và can đảm.

Trong bối cảnh chính trị còn đầy tính chất giáo điều, đảng trị và hẹp hòi, bất cứ tiếng nói nào đi ngược lại quan điểm đường lối của Đảng là tự mình mang bản án chung thân bị khai trừ. Nó không chỉ liên hệ đến bản thân cá nhân đó mà còn dính dáng đến ruột thịt, bạn bè . Nó không hạn định vào năm tháng mà có thể một thời gian léo dài vô định. Chỉ nghĩ tới thôi đã rùng mình.

Nhà văn Vũ Thư Hiên tâm sự cho rằng điều đáng sợ nhất là nó đụng đến miếng cơm, manh áo mà không dễ nói hay được. Nó trở thành nỗi sợ mà ngay cả một người cỡ Tôn Đức Thắng cũng biết sợ.

Thật vậy, theo như ông Lê Hoài Nguyên nói ở trên, trong vụ NVGP, nhiều nhà văn bị bắt oan vì có liên hệ cách này cách khác. Có nhiều nhà văn bị bắt một cách ” lãng xẹt” chỉ vì là bạn và có thể chỉ đi ăn một bữa cơm chung.

Có hàng ngàn người nằm trong sổ đen vì có liên can xa gần đến NVGP.

Nhà văn Xuân Vũ kể có gặp Phùng Quán đang gánh hàng cho vợ ra chợ bán, Xuân Vũ mắt trước mắt sau sợ hãi sau lén lút bắt tay bạn rồi đi thẳng. Sau này Xuân Vũ nhắc lại và hối hận vì cách cư xử tệ bạc và hèn nhát với bạn là Phùng Quán như thế.

Trong một buổi học tập 18 ngày ở Thái Hà Ấp trong dinh Hoàng Cao Khải. Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng- nhà văn do Trường Chinh đưa vào Đảng- có uy tín nên đã dám đứng lên tuyên bố:

“Tôi có đi ăn chả cá với anh em nhóm NVGP ở hàng Chả cá đày ạ!” trước mặt Hoàng Văn Hoan trong Hội nghị đấu NVGP ở Thái Hà ấp ! Hội nghị đang nghiêm trang bỗng cười ồ vì câu nói hồn nhiên của Nguyễn

Huy Tường.

Văn Nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết, Xuân Vũ, trang 35

Nhà văn Vũ Thư Hiên cho biết khi NVGP bị đánh, ông không có mặt ở Hà Nội mà đang ở Liên Xô. Ông có gửi một tấm thiệp về cho Văn Cao .. Khi về ông bị gọi lên công an tra vấn về việc con con này. Bùi Ngọc Tấn vốn hiền lành, nhút nhát chỉ vì chơi thân với Vũ Thư Hiên mà bị liên lụy. Vũ Thư Hiên ngồi tù 9 năm đã hẵn không vì NVGP, còn Bùi Ngọc Tấn nhẹ hơn với năm năm tù.

Nhưng trong điều dở có điều hay. Không có 9 và 5 năm tù, liệu chúng ta có được hai tác phẩm lớn: Đêm giữa ban ngày (VTH) và Chuyện kể năm 2000 (BNT) !!

Tôi đã có dịp và trò chuyện với cả hai nhà văn này. Anh Vũ Thư Hiên thì hiền lành, nhưng nói chuyện hóm hỉnh và duyên dáng, không có sự hận oán lộ diện. Còn Bùi Ngọc Tấn thì hiền lành đến củ mủ, củ mì. Vậy mà trong chốn lao tù đã un đúc họ biến ngòi bút của họ trở thành sắc bén như dao kiếm !! Sách vở của họ- như của anh Vũ Thư Hiên và Bùi Tín viết ra được tôi tra cứu nhiều lần và xử dụng như tài liệu để viết bài. Bởi vì hơn ai hết họ là những người trong cuộc. Và nếu không phải là người trong cuộc và chịu đựng biết bao điều khổ khó thì làm sao chúng ta có được những câu thơ bất hủ của một Phùng Quán:

*Đi trọn đời trên con đường chân thật
.. Tôi muốn làm nhà thơ chân thật
Chân thật trọn đời
Đường mật không làm ngọt lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô ngã tôi*

Xem ra bỏ tù người thì có thể không khó, nhưng ai có thể bắt tù được chữ nghĩa của nhà văn? Nếu những người cộng sản từng ở tù thì những năm tháng tù đầy sẽ là giấy chứng chỉ tốt để họ thăng quan tiến chức. Nhưng đối với những nhà văn thì tù đầy sẽ theo họ suốt đời, nhưng nhờ đó họ trở thành những nhà tranh đấu mà còn là những nhà văn hóa lớn có tầm vóc không ai sánh bằng.

Vì vậy mà vào năm 1955, vẫn có người dám:" Uốn thẳng lưng ra thì ta với được trời xanh" . (Trần Dần , 1954. Và những dòng văn hào khí:" Bút giấy tôi ai cướp giật đi. Tôi sẽ dùng dao viết, vắn lên đá.(Phùng Quán).

Cho nên nói gì thì nói, mọi phê bình phải dựa trên bối cảnh chính trị bầu khí thời đó. Trong cuốn sách NVGP, bà Thụy Khuê đã minh định và cảnh báo có những xu hướng muốn hạ thấp vụ NVGP và minh định rằng:

” Đồng thời nó cũng gián tiếp trả lời một số lập luận cố tình hạ thấp hoặc thu gọn tầm vóc NVGP thành một cuộc “đánh đấm nội bộ”, tranh dành thế lực cá nhân, không liên hệ đến vấn đề tự do tư tưởng ” (...)

“Nếu trong những bài viết trên báo hoặc các chương trình phát thanh từ 1988 đến nay, còn có các thiếu sót, sai lầm thì những chứng ngôn quan trọng của Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Duy đã đính chính bổ sung. Các ông thay mặt những người đã khuất, viết lại lịch sử của phong trào và lần này, không ai có thể ngăn ngừa sự thật”.

Thụy Khuê, Nhân Văn Giai Phẩm, trang 29-30

Sự cảnh báo ấy là cần thiết. Vì trên diễn đàn điện tử Talawas cũng đã có những tranh luận chung quanh NVGP giữa Đỗ Minh Tuấn- Quốc Việt và giữa Nguyễn Huệ Chi- Nguyễn Văn Hoàn.

Nhưng một số nhà nghiên cứu hẳn là không bằng lòng với việc đơn giản hóa các nhà văn trong NVGP như một thiểu số thành phần bất mãn và chống lại chế độ. Nếu có bất mãn thì không bất mãn cho bản thân họ, mà cho một mục đích hay một lý tưởng cao hơn họ.

Họ muốn nhắc nhở mọi người những vấn đề do NVGP đặt ra vẫn là những vấn đề được đặt ra một cách nghiêm chỉnh như một đòi hỏi mà lãnh đạo phải biết nghe và chấp nhận.

Cho nên phần nhận định của Peter Zinoman tuy tương đối mới mẻ, rất là cá biệt và có thể vì ông không chia sẻ được cái không khi sôi sục của thời kỳ đó. Mọi nhà văn, mọi nghệ sĩ đều không thể đứng ngoài cuộc mà phải đứng vào hàng ngũ để cùng lên tiếng và cùng với lãnh đạo Đảng đánh phá NVGP ..

Đó là một phong trào rồi- một tiếng nói quần chúng- không đơn giản là những cá nhân lẻ tẻ nữa.

Phần Peter Zinoman, trong một lần trả lời phỏng vấn của đài BBC được coi là một đánh giá mới về NVGP của ông, Peter Zinoman- một tác giả trước đây cũng đã có dịp đưa ra những phát hiện mới về tài liệu Vũ Trọng Phụng- đã có một nhận xét là đã có sự ” thổi phồng” các nhà văn trong nhóm NVGP.

Tác giả, một người rất quen thuộc với giới nghiên cứu ở Việt Nam, nhận định thời gian qua đã có thêm nhiều nghiên cứu mới “thành công khi thể hiện một hình ảnh đáng tin về NVGP như một phong trào mạnh của sự bất đồng quan điểm chính trị chống lại đảng-nhà nước”.

Nhưng ông cho rằng các học giả đã không phân tích sâu sắc nội dung các bài viết đã đăng của NVGP, mà chỉ có xu hướng tập trung vào những tuyên bố chống đối kịch tính nhất.

Peter Zinoman, phó Giáo sư khoa Lịch sử của ĐH Berkeley, Hoa Kỳ nêu ra trường hợp bài viết: Bài học Ba lan và Hung-ga-ri của nhà thơ Lê Đạt, in ở Nhân văn số 5, ngay sau khi xảy ra các biến cố rung chuyển hai nước Đông Âu.

Theo đúng những gì người ta trông đợi từ một phong trào đối kháng, bài này bị chính quyền ở Hà Nội phê phán là “bào chữa cho bọn phản cách mạng”.

Nhưng tiến sĩ Zinoman lưu ý người đọc rằng trong phần kết luận, Lê Đạt cho rằng phong trào đối lập ở hai nước Đông Âu bị “bọn đế quốc” kích động và lại còn tán thành với việc dùng bạo lực dập tắt sự nổi dậy ở Hungary.

Ví dụ này phải chăng cho thấy sự hạn chế trong nghị trình của NVGP. Ngoài ra, phong trào khi ấy không thể liên kết với công nhân, sinh viên và cộng đồng tôn giáo, và dường như người dân cũng không bày tỏ ủng hộ giới văn nghệ sĩ.

Bài nghiên cứu của tiến sĩ người Mỹ này muốn bác lại việc xem NVGP là phong trào “bất đồng chính kiến”. Theo ông, khi so sánh với sự trỗi dậy của các phong trào cải cách trong thế giới cộng sản thập niên 1950, thì NVGP là “nỗ lực tương đối hạn chế nhằm ‘cứu’ chủ nghĩa Cộng sản Việt Nam bằng cách chuyển hóa nó từ bên trong”.

Peter Zinoman nói “mặc dù NVGP nhắc đến nhiều sự lạm dụng độc đoán của giới chức bậc trung, nó hiếm khi thách thức ban lãnh đạo đảng hay sự chính danh của hệ thống Cộng sản”.

“Thông thường NVGP tìm cách giảm nhẹ cường độ công kích bằng việc đi kèm các tuyên bố trung thành với chính thể và ý thức hệ cai trị.”.

Đúng ra, các nhà văn trong NVGP không dám đối đầu trực diện với lãnh đạo Đảng.

Chẳng những thế, theo Tiến sĩ Peter Zinoman, nhận thấy ở NVGP có sự trung thành chính trị với Đảng Cộng sản, khẳng định đi theo chủ nghĩa Marx, ngưỡng mộ Khrushchev, Lenin và tôn sùng nhà thơ Mayakovski như biểu tượng chống sự sùng bái cá nhân.

Mặc dầu vậy, Peter Zinoman đã cẩn thận cho rằng nghiên cứu của ông không nhằm “phủ nhận sự dũng cảm của các lãnh đạo phong trào hay bị kịch của họ dưới bàn tay tàn nhẫn của đảng – nhà nước”. Ông muốn bài viết tìm hiểu lại mục tiêu của NVGP và đánh giá điềm tĩnh hơn về tiềm năng cũng như hạn chế của phong trào trong vai trò lực lượng chính trị

Toàn văn phần trích dẫn trên dựa trên nguồn tài liệu: Một đánh giá mới về NVGP, Lê Quỳnh, BBC, 2/3/2011

Tóm lại, những nhận định của Peter Zinoman có thể là một đề nghị một lối giải thích và nhận định khác về vai trò của NVGP ..

Tuy nhiên theo tôi, cái khó nhất cho bất cứ ai tìm hiểu về sinh hoạt văn học, chính trị trong chế độ cộng sản là cách xử dụng ngôn ngữ hai mặt, lưỡng tính- một thứ ngôn ngữ ẩn dụ. Điều được phát biểu công khai phải được hiểu có những con chữ ngầm, nói vậy mà không phải vậy. Có những ngôn ngữ phải được hiểu ngầm, có những câu chuyện mượn sự vật, mượn con người như Chiếc Bình Vôi, Con ngựa già để nói thay cho tác giả.

Hoặc giữa một điều phê bình, để né đòn, tác giả tìm cách cân bằng bằng cách vừa chê, vừa khen.

Và nếu nói thổi phồng sự việc thì những kẻ có trách nhiệm thổi phồng ấy không ai khác hơn là những Tố Hữu và phe cánh.

Cái ngôn ngữ lưỡng tính ấy rất Việt Nam và nó là một thứ văn hóa trong ngôn ngữ của người Việt- phải là người Việt mới có khả năng diễn giải nổi- phải chăng đã dẫn đưa Peter Zinoman đến những nhận xét khác mọi người về NVGP? Nhưng một mặt, người ta cũng phải nhìn nhận gián tiếp là:

– Về phía nhà cầm quyền cộng sản

Có thể nói ngược lại, chính các tác giả ấy không thổi phồng. Sự thổi phồng ấy lại đến từ phía chính quyền cộng sản. Những Trường Chinh- Tố Hữu- Hoàng văn Hoan đã cố tình ” thổi phồng nội vụ, về vai trò” của các nạn nhân NVGP. Họ tạo hẳn một mặt trận văn hóa-chính trị trên các báo

Đảng như vớ hàng trăm nhà văn hòa theo, vùi dập, kết án đủ tội tày trời như chống đối Đảng, phản động, làm gián điệp cho Pháp. Họ đã vận động lấy chữ ký của 304 văn nghệ sĩ và cán bộ gửi Ban Chấp hành Trung Ương Đảng Lao Động. Rồi Nghị Quyết của 800 Văn Nghệ sĩ. Rồi họ chỉ định ai sẽ đánh Nguyễn Hữu Đang, ai sẽ đảm nhận đánh Trần Dần, Hoàng Cầm, ai sẽ đánh Phan Khôi, Trương Tửu... như một cảnh bề Hội đồng !! Hồng Vân (Trương Chinh?), Mạnh Phú Tứ. Như Phong (vốn là bạn của NHD) có nhiệm vụ đánh Nguyễn Hữu Đang. Hữu Mai đánh Trần Dần. Hoài Thanh đánh Trương Tửu và Trần Dần. Xuân Diệu đánh Văn Cao.

Phản Tố Hữu đã chỉ đạo, định ra ranh giới tiêu chuẩn phân biệt ai là bạn, ai là thù. Và việc đánh này có mục đích là “lột trần bộ mặt gian ác của những phần tử phản Cách mạng” .

Và Tố Hữu đã không nương tay bằng đủ thứ danh từ nội hàm đao búa như một thứ băng đảng đánh thuê chém mướn. Tố Hữu gọi bọn họ là những kẻ “đầu cơ Cách Mạng “. Những con buôn Mác Xít” có tên là Trương Tửu, Trần Đức Thảo v.

Tất cả những truyện tố cáo trên đều là truyện vu cáo bịa đặt, giả dối, là không có thật. Họ gán ghép NVGP vào những phong trào nông dân hay công giáo nổi dậy như những phần tử phá hoại chế độ:

” Trong nước, Trung ương đảng Lao động Việt Nam cũng tự phê bình và phát hiện được những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Nhân cơ hội đó, tất cả các lực lượng... đối lập với chủ nghĩa xã hội đều ngóc đầu dậy chống lại sự lãnh đạo của Đảng và chính phủ. Bọn phản động trong công giáo hành động phá rối trật tự ở Nghệ An, Nam Định . Bọn phản động trong các dân tộc thiểu số “xưng vua” ở một vài miền rẻo cao. Một số địa chủ vừa bị đánh đổ liền ngóc đầu dậy, cấu kết với bọn phản động trong tôn giáo và bọn lưu manh, ợn tề ngụy cũ, đánh chửi nông dân để báo thù. Những phần tử khiêu khích phá hoại xúi dục một số thương binh làm mất trật tự ở một vài địa phương “.

Bọn NVGP trước tòa án dư luận, phần mở đầu, nxb Sự Thật

– Rồi chúng ta lại được đọc những lời thú tội của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần.. Những lời thú tội này do áp lực, do sợ hãi, do muốn chuộc lỗi đã không phản ảnh đúng sự thật. Nhiều lời thú tội tỏ ra ngô nghê và nói cho qua, đôi chỗ tự bịa đặt, có chỗ tự mình kết tội về những điều không có làm. Họ chẳng khác gì những đứa trẻ vị thành niên sau khi làm lỗi

đà tự thú lỗi một cách không ngượng ngịu.

Phải chăng, những lời thú tội và lỗi viết “hai hàng” đã đánh lạc hướng và đã đưa Peter Zinoman đánh giá nhẹ phong trào NVGP?

Có thể phải nhìn nhận một phần những nhà văn này đã không dám nghĩ tới chuyện lật đổ chính quyền- bởi vì thực sự họ không có khả năng làm việc đó- bởi vì chỉ viết mấy bài mà họ đã sợ co dúm cả lên – đã vội vã tự thú nhận lỗi lầm- mà họ chỉ mong muốn dân chủ được mở rộng- mơ ước của một nhà văn được viết như đã được viết trước 1945- trong khuôn khổ hệ thống chính trị đảng cộng sản- như Hoàng Cầm viết:

Chúng tôi chỉ khác Đảng.

Cùng lắm thì những bài viết của họ chỉ là hình thức thách thức tính độc quyền của Đảng.

Nó thể hiện rõ nét nhất trong bài viết căn bản coi như chủ trương của nhóm- bài Phê Bình lãnh đạo Văn Nghệ của Phan Khôi-

Phan Khôi nhắc lại như sau:

“Sáng hôm mừng một tết âm lịch năm nay, ông Tố Hữu đến chơi trụ sở Hội Văn Nghệ. Giữa anh em đông, ông hỏi ý kiến tôi về tập Giai Phẩm Mùa Xuân. Tôi nói trong đó chỉ có bài Trần Dần nói lời thô, có hơi không lợi; còn của Phùng Quán, của Lê Đạt, tôi thấy nói đúng đấy. “Chống công thức”, “ Quét rác tư tưởng”, là việc chúng ta cần phải làm..(..) Ông Tố Hữu nói một câu có đồng anh em cùng nghe: “Giấy mực đâu để mà phí để cho họ viết? ” Thế rồi tôi làm thinh. Tôi làm thinh nghĩa là tôi trả lời đã nhiều rồi, tôi tròn lăm rồi, tôi không dại dột đến nỗi đã thế rồi mà cứ còn nói nữa.

Mấy hôm sau, nghe nói tập sách mỏng ấy bị thu về, tôi cho rằng sự thu về ấy là thất sách. SAO LẠI PHẢI LÀM TO CHUYỆN CÁI CHUYỆN KHÔNG ĐÁNG LÀM TO ? (..) Ở Trung Quốc, Hồ Phong nói xấu lãnh đạo văn nghệ đến thế nào, mà ” Ba sấp tài liệu” của Hồ Phong vẫn được công bố ra, cả đến cái ” Ý Thư cũng được công bố ra chẳng ai hề sợ”.(

Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc, Hoàng Văn Chí, trang 77.

Bài viết này của Phan Khôi được đăng trên Giai Phẩm mùa thu, Giai phẩm ra sau Giai Phẩm Mùa Xuân .. Bài cũng được trích đăng lại trên

Hợp Lưu, số đặc biệt về Phan Khôi, số 33, 1997, trang 178.

Về điểm này, nhà văn VTH có phần đồng ý với Peter Zinoman. Ông viết thư để trả lời thắc mắc của tôi như sau:

“Về câu hỏi của Lục, tôi có thể nói thế này:

– Tôi vốn không tin những bài phỏng vấn của những người mà mình không biết. Các “nhà” báo, “nhà” văn Việt Nam có thói quen hư mà họ gọi cho sang là hư cấu. Tôi có đọc mấy bài phỏng vấn họ, nhưng không tin tính trung thực của chúng”.

Thơ riêng của Vũ Thư Hiên gửi cho tác giả .

Một vấn đề được đặt ra ở đây, phải chăng căn cứ vào số lượng bài viết và nhất là nội dung các bài báo mà Peter Zinoman đã nhận xét như trên? Họ- những nhà văn trong nhóm NVGP- đã thực sự viết được bao nhiêu bài trong năm số Giai phẩm và 5 số báo Nhân Văn?(Nhân Văn số 6 không được xuất bản). Như trường hợp Phùng Quán làm có hai bài thơ? Phùng Cung với chuyện Con ngựa già của Chúa Trịnh đăng trên Nhân Văn số 4, tháng 10-1956. Chỉ với hai bài thơ đủ để quy kết là chống Đảng là phản Đảng?

Đúng như Phan Khôi nhận xét rằng khi Hoài Thanh viết trên tờ Văn Nghệ quy kết rằng Trần Dần là một tên phản động chống lại Nhân Dân. Văn Nghệ số 110 ra ngày 17-3-1956.

Phan Khôi nhận xét: Thật là cái tội phản động ở xứ này sao mà ghép dễ dàng quá”.

Phan Khôi, Ibid Hợp Lưu, trang 179

Sau thì chính Hoài Thanh nhìn nhận rằng việc kết án Trần Dần là quá vội vã, mang đầy thành kiến! Tại sao Hoài Thanh đã thay đổi thái độ như thế? Đó là điều cần được tìm hiểu thêm.

Cũng theo dòng suy nghĩ của tôi, sự mạng đòi hỏi nhà văn thì lớn quá mà Đảng thì quá mạnh. Thép đã tôi nhà văn, nhưng đứng trước lò thiêu của Đảng, thép cũng mềm nhũn ra.

Ngày hôm nay, được thông thả trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê, phải chăng Lê Đạt đã tự tin hơn và ăn nói đồng dạc hơn?

Trong khi đó trước đây, Hỏa lò Hà Nội- lò luyện người- gần xịt ngay đó-
Nào ai dám nói gì!!

Trong số những nhà văn trong nhóm NCGP, cùng lắm tôi chỉ còn thấy có một ông già, xách ba toong, khệnh khạng, trí thức, can trường dám nghênh ngang đứng giữa Hội trường thách thức và xin hỏi lãnh đạo một câu.

Đọc lại đoạn văn mô tả những trích đoạn từ nhà văn Xuân Vũ mới lột hết được cái sống động, cái sự thực trần trụi, cái không khí có một không hai trong không khí đấu tranh giữa nhà văn và lãnh đạo. Nó lột tả được cái tinh thần NVGP qua Phan Khôi- và có thể chỉ mình Phan Khôi có cái can trường và dũng cảm đó thôi- đối đầu với Trường Chinh như thế nào. Xin mời đọc:

“Vì vậy nên có một cuộc họp mặt ở số 2 Bà Triệu, ngang chỗ ngã tư Tràng Thi và Hàng Trống, đối diện với đồn công an. Hàng Trống là con đường có cái trụ sở báo láo Nhân Dân. Cuộc họp này có mục đích yêu cầu của Văn Nghệ sĩ là đòi Trung Ương giải thích mấy vấn đề gì đó.(..) Người đến nói chuyện là Trường Chinh. Ông ta rào đón trước: vì bận họp Trung Ương gấp nên chỉ gặp anh chị em trong vòng 10-15 phút thôi. Hẹn khi khác sẽ mạn đàm thêm. Và đúng 10 phút, ông ta xem đồng hồ, nói thêm ít câu rồi xin rút lui. Đại khái thì cũng cái thiệu muộn năm cũ: Chiến tranh vừa kết thúc, nước ta còn nghèo ..vv.

Thế là xong buổi họp, tôi công những người cuốc bộ tới đây nghe Trung ương. Gã cần vụ xách cái pa-đơ-xuy-đơ-vin tới quàng lên vai ông Tổng Bí Thư như nhắc ông ra về. Một ông già gầy nhom chống gậy ra chặn ngang lối đi:

– Xin cho tôi hỏi một câu.

Gã cần vụ đẩy ông ta sang một bên, nhưng ông ta còn cố nói:

-Xin cho tôi hỏi một câu thôi.

Cả mấy trăm nghệ sĩ im phăng phắc chờ đợi ông Tổng Bí thư- dừng lại và chờ nghe câu hỏi của ông già kia. Nhưng ông Tổng bí thư được gã cần vụ rẽ sẵn lối nên đi thẳng ra cửa mất tiêu. Ông già ngó theo. Mấy trăm cặp mắt phóng theo.

Câu hỏi của ông già vẫn còn nằm trong bụng.

Phải chăng buổi họp đó là cái đoạn dạo nhạc mở đầu cho phong trào nhân văn Giai phẩm “.

Xuân Vũ, Văn Nghệ sĩ miền Bắc như tôi biết, tập 2, trang 14-15)

Nói tóm lại, chính nhà nước cộng sản thời phòng nhằm triệt tiêu tận gốc rễ những kẻ” chống đối ” Đảng.

Họ đã dùng những lời lẽ rất to để nói về những điều thực sự hết sức nhỏ.

– Phần Việt Nam Cộng Hòa qua tác giả Hoàng Văn Chí dùng tài liệu này để phơi bày bộ mặt chính trị tàn bạo của cộng sản miền Bắc khi đàn áp giới nhà văn.

– Phần các nhà văn nạn nhân qua phỏng vấn bây giờ cho thấy thời oan nghiệt đã qua. Nỗi sợ hãi không còn bao nhiêu. Họ có thể yên tâm nói mạnh hơn mà không sợ bị trừ dập.

Trong tình thế lúc này, hơn lúc nào hết, họ muốn tiếng nói của họ được vang dội và đi xa hơn. Họ cũng gián tiếp đặt nặng vai trò của họ cho bỏ những ngày khổ lụy mà họ bị gánh chịu một cách oan uổng. Qua các cuộc phỏng vấn họ đã được gián tiếp nâng lên thành những nhà bất đồng chính kiến dám chống đối Đảng, đã từng ngồi tù hay bị cách ly trong nhiều năm.

Họ lớn lên và càng lớn lên theo cùng với những lời kết án Đảng.

Tất cả những suy luận trên tạm thời hiểu được và có thể được chấp nhận.

Thật vậy, theo như ông Lê Hoài Nguyên nói ở trên, trong vụ NVGP, nhiều nhà văn bị bắt oan vì có liên hệ cách này cách khác. Có nhiều nhà văn bị bắt một cách ” lãng xẹt” chỉ vì là bạn và có thể chỉ đi ăn một bữa cơm chung.

Có hàng ngàn người nằm trong sổ đen vì có liên can xa gần đến NVGP.

Hà Nội dùng kính hiển vi để soi mói, khuếch đại từng câu, từng chữ thành “có vấn đề”. Như thế thì liệu những trả lời phỏng vấn của một số nhà văn- nạn nhân của cộng sản- có đúng mức không? Tôi hiểu thấm thía và sâu xa cộng sản miền Bắc những năm 1954 cũng không xa gì lắm cộng sản Bắc Hàn khi đọc cuốn sách vừa xuất bản tháng sáu/2012, cuốn

Rescapé du camp 14, De l'enfer Nord- Coréen à la liberté, Blaine Harden.

De l'enfer Nord-Coréen à la liberté, Blaine Harden.

Một cuốn sách nhằm thức tỉnh thế giới về một chế độ bạo tàn có một không hai .. Nhà báo Blaine Harden, báo Washington Post ở ToKyo có cơ hội gặp Shin Dong-hyuk và viết về cuộc đời người thanh niên này ở trong trại giam 14 ở Bắc Hàn.

Viết bài tham khảo này, tôi chỉ muốn nhấn mạnh nhiều hơn đến số phận các nhà văn trong NVGP để hiểu thấu được số kiếp nhà văn với biết bao hệ lụy đắng cay trong cuộc đời cầm bút của họ dưới chế độ cộng sản.

Đã có một thời NVGP với Hữu Đang-Trường Chinh.

Dù gì thì họ cũng đã lãnh đủ những hậu quả oan nghiệt do một số bài viết của họ.

Nay mục đích của chúng ta lại vực dậy và làm sống lại cái thời oan nghiệt ấy trong một bối cảnh vá cảnh ngữ bây giờ. cần đào sói, làm sống lại một Hậu NVGP với giai đoạn của cao trào phản kháng 1986-1989.

TBT Trường Chinh- Người trách nhiệm chính trong vụ NVGP

Nhưng nhắc đến NVGP là phải nhắc đến những người chủ trương đánh phá NVGP như TBT. Trường Chinh và người thứ hai là Tố Hữu trong giai đoạn đó. Cái tiếc của tôi là cho đến lúc họ lìa đời, họ hình như vẫn chưa nhận ra những việc làm của họ.

Theo cách nhìn của tôi, Trường Chinh, Tố Hữu có thể được coi là những nhà cách mạng tiêu biểu của cộng sản. Nhưng là những nhà cách mạng không có cuộc cách mạng trong tay. (Les révolutionnaires sans révolution).

Ông Trường Chinh Đặng Xuân khu(1907- 1988) vốn là một nhà báo còn có bút hiệu Sông Hồng. Ông từng điều khiển tờ Giải Phóng sau đó chính thức làm chủ bút tờ Sự Thật, cơ quan ngôn luận của Đảng

Ông được Hồ Chí Minh tin dùng và được đề cử làm Tổng Bí Thư Đảng từ 1941 đến 1956.

Cuộc đời tư của ông có thể giống như cuộc đời của thủ tướng Phạm Văn Đồng. Nghĩa là có nề nếp, có đạo lý của một con nhà dòng dõi văn học thuộc làng Hành Thiện. Có thể nói nó không có gì để chê trách ông ở tư cách một người chồng, một người cha trong gia đình gương mẫu và con cái được giáo dục nên người.

Nhưng cuộc đời làm chính trị của ông lại là một chuyện khác- cứng rắn, cố chấp đến mù quáng đến độ coi nhẹ mạng người như cỏ rác.

Giữa một con người xem ra có chừng mực, đức độ cá nhân, làm thế nào tôi có thể hiểu được chính con người ấy đã làm chết hàng ngàn, hàng vạn sinh linh- phần đông là nông dân vô tội mà vẫn tự nghĩ mình là người có đức độ?

Tôi cũng có dịp nhìn lại những bức hình của một người bạn gửi cho về quang cảnh đấu tố tại Trung Hoa, năm 1953 và sau đó tại Việt Nam năm 1955-56.

Một người tử tế bình thường thôi cũng thấy đó là cảnh hạ nhục con người khó có thể tha thứ được!!

Có điều gì khác nhau giữa hai quang cảnh đó? Có điều gì khác nhau giữa một Trương Chinh chụp hình bên vợ và hai cậu con trai và hình ảnh hung thần Trường Chinh trong Cải cách ruộng đất?

Cuộc đời làm chính trị của ông có thể chỉ đánh dấu bằng ba thảm kịch do chính ông chủ trương:

– Thảm kịch tiêu thổ kháng chiến mà nhiều vùng Thanh, Nghệ Tĩnh chỉ còn là những hoang địa, đồng không nhà trống.

– Thảm kịch xảy ra ở nông thôn trong vụ Cải cách ruộng đất- Trời long đất lở. Nó chẳng những làm cho nhiều người chết oan, nó còn tạo ra thảm kịch Con Người chống lại Con Người ..Con dâu, con gái, đầy tớ, kẻ thân, kẻ chịu hàm ân buộc lòng đứng ra tố cáo kẻ bề trên, ân nhân của mình. Nó dẫm đạp lên nền tảng đạo lý con người Việt Nam.

– Thảm kịch xảy ra ở ngay ở thủ đô Hà Nội mà nạn nhân là các nhà trí thức, nhà văn có phẩm chất và có tinh thần, có lý tưởng.

Đó là ba vết nhơ trong cuộc đời làm chính trị của ông từ đó nảy sinh ra biết bao hệ lụy nhân sinh cho con người.



Như nhiều người làm chính trị khác-đã có thời danh ông nổi như cồn-quyền uy và thế lực ít ai có được- có lẽ là giai đoạn cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất- giai đoạn sáng chói nhất của ông. Ông chỉ đứng sau ông Hồ, dưới một người mà trên mọi người – lý thuyết gia của Đảng và ban phát lệnh lạc, duy trì đường lối của Đảng.

Hiện nay, ở đại học California còn lưu trữ một tập tài liệu, tuyển chọn các bài viết của ông Trường Chinh và đã được dịch ra tiếng Anh có nhan đề: Trường Chinh, Selected writings.

Trường Chinh, selected writings, Univ. California, North Viet nam publications series, 1968

Ông là người chủ trương, người hoạch định và người quyết định chính trong việc đánh NVGP. Ông chính là người ra lệnh và Hoàng Văn Hoan, Tố Hữu chỉ là người thừa hành

Nhưng còn vai trò của Hồ Chí Minh thì ra sao?

Nói chung thì việc gì cũng có sự thỏa thuận của họ với nhau và chắc chắn có sự gặt đầu của HCM. Nhưng mức độ thế nào thì cũng không rõ rệt lắm như nhận xét của W. J. Duiker:

“It is not easy to discern to what degree Ho Chi Minh should bear responsibility for the persecution associated with the suppression of intellectual dissident and the land reform campaign. Apologists point out that Ho was not directly implicated in carrying out either program, and that he persistently urged senior colleagues and cadres alike to make a careful distinction between misguided elements who could be redirected onto the proper path and truly counterrevolutionary elements who had to be surgically removed like a cancer from the body politic of Vietnamese society.

Ho Chi Minh, W.J Duiker, trang 491

Tuy nhiên người ta vẫn có thể chỉ trích ông Hồ là qua hai đợt Cải Cách ruộng đất và vụ NVGP, ông vẫn không có một cử chỉ nào cho thấy ông có biện pháp trừng trị xứng đáng những kẻ làm sai trái trong vai trò chủ tịch nước của Ông.

Dưới mắt đám đông, người ta chỉ thấy một Tố Hữu lộ diện với bài viết: Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ trong đó ông kết án bọn đầu cơ cách mạng, bọn phản bội tổ quốc như Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang.

Và nhất là bài diễn văn Tổng kết cuộc cuộc chống Nhân Văn Giai Phẩm, dài 82 trang và Tố Hữu đã đọc suốt 4 tiếng đồng hồ không ngưng nghỉ . Sau này những năm 1960-1962, đánh những người như Hoàng Ngọc Hiến (tiên sĩ triết học ở Liên Xô về) và Nguyễn Minh Châu (đại tá trong quân đội) cũng nhờ một tay Tố Hữu.

Tố Hữu : Người dì ghẻ của các nhà văn trong NVGP

Ông là nhà thơ và đồng thời là nhà chính trị. Về thơ, ông được “thừa nhận là nhà thơ lớn nhất của thời đại”. Hai tập thơ được nhiều người biết tới là Từ ấy 1946 và Việt Bắc 1954. Riêng tập thơ Việt Bắc đã nhận được giải Nhất văn học của hội Văn Học và Nghệ thuật Việt Nam, năm 1954-1955.

Sau này vào năm 2007, nhà văn Lê Lưu có tuyển chọn 100 bài thơ hay Thế kỷ XX, nxb Giáo dục. Một lần nữa bài thơ được chọn trong số những bài thơ hay nhất thế kỷ là bài Khi con tu hú của Tố Hữu. Xin được trích lại toàn bài thơ:

Khi con tu hú

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín trái cây ngọt dần
Vườn ươm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào,
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con tu hú lộn nhào từng không
Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con tu hú ngoài trời cứ kêu

Trong việc tuyển chọn 100 bài thơ hay nhất thế kỷ, ông Lê Lưu còn có “can đảm” đã chọn một bài thơ dịch của Hồ Chí Minh nhan đề Rằm tháng Giêng .

Việc tuyển chọn này cho thấy ông Lê Lưu mất tư cách, tặc trách và thiếu nghiêm chỉnh.

Các thi sĩ miền Nam trước 1975 được chọn có Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Sa, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư, Á Nam Trần Tuấn Khải, Trang Thế Hy, Lâm Thị Mỹ Dạ .(24)

(24) 100 Bài thơ hay Thế kỷ XX, nxb Giáo dục, trang 97

Có những việc trao tặng giải thưởng, việc vinh danh vv của cộng sản thì càng được vinh danh thì càng thấy nó bất xứng và trơ trên giả dối.

Mới đây nhất, lại một lần nữa ngày 2/10, nhân kỷ niệm 90 năm sinh nhật Tố Hữu, có buổi thảo luận về thơ văn Tố Hữu. Nhân dịp này nhà phê bình văn học Lại Nguyên Ân nghi ngờ có sự đề cao quá đáng tài danh của Tố Hữu. Và ông đã trích dẫn một nhận xét đầy mỉa mai và châm biếm của Xuân Sanh: “Nhà càng lộng gió, thơ càng nhạt”.

Đối với số đông người thì cho rằng Tố Hữu trước sau chỉ là nhà chính trị hơn là một nhà thơ. Bởi vì dù chỉ là một thi sĩ, ông đã đạt được những chức vụ cao nhất trong Đảng Cộng sản Việt Nam như Ủy viên Trung ương đảng, Phó thủ tướng đặc trách kinh tế, Trưởng ban Tuyên huấn Trung Ươngvvv.

Cùng lắm gọi ông là nhà chính trị mà sánh văn nghệ chẳng?

Ngay khi mới tiếp thu miền Bắc, Tố Hữu đã cảm thấy mình bị xúc phạm ghê gớm như thế nào khi Trần Dần và Lê Đạt đầu năm 1955 đã phê bình gay gắt tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu.

Trần Dần trong bài: Cách nhìn sự vật của nhà thơ Tố Hữu cho rằng:

– Thơ Tố Hữu không đặc sắc, không có cá tính .. Có thơ Hoàng Cầm, thơ Xuân Diệu, nhưng người ta khó nhận ra câu thơ nào là thơ Tố Hữu .

– Còn nói chung, thơ Tố Hữu rất nhiều cái lười biếng. Ý, lời tầm thường. Tầm thường chứ không phải giản dị, phong phú.

– Thơ Tố Hữu nhìn sự vật nó chính trị quá, lười tìm tòi quá. Chỗ nào hay thì lại là lấp lại Nguyễn Du, Tản Đà, ca dao cho vào...

– Cách nhìn của Tố Hữu nhỏ bé quá. Nhìn vấn đề gì, vấn đề ấy thu hẹp lại. Yêu ai người ấy nhỏ đi .

Phải chăng việc phê bình nhà lãnh đạo tư tưởng làm tăng sức mạnh đàn áp Trần Dần, Lê Đạt của Tố Hữu sau này?

Tố Hữu trong bài: Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ đã bóng gió dọa dẫm :

“Chúng là những tên phản trắc như Phan Khôi, một đời đã năm lần phản bội tổ quốc .. Chúng còn là những con buôn Mác Xít, “cách mạng” đầu lười như Trương Tửu, Trần Đức Thảo mà thực chất là những tên Tơ-rot-skit vô tổ quốc .. Chúng còn là những kẻ đầu cơ Cách mạng như Nguyễn Hữu Đang, mượn màu cách mệnh tô điểm cho dã tâm Kẻ gieo gió phải gặt bão. Chúng phải chịu sự trừng phạt của búa rìu dư luận, và nếu cần thiết, của nhà nước cách mạng .(25)

(25) Ý nghĩa một cuộc đấu tranh trong văn nghệ, Tố Hữu, talawas.org , loạt bài số 34

Nói chung, tôi nhận thấy ông Tố Hữu không làm chủ được ngòi bút của mình nữa. Vì thế, hầu hết giới văn nghệ sĩ miền Bắc đều không ưa Tố Hữu . Nhà báo Bùi Tín viết cho tôi như sau:

” Tôi gặp ông TH có khi hằng tuần, khi ông TH làm trưởng ban Tuyên Huấn TW đảng, rồi sau này là phó thủ tướng thường trực phụ trách kinh tế tài chính. TH rất tự tin, tự kiêu, khinh người, quan liêu và “ác ” . Chuyện ông ta lên án, bạc đãi bác Phan Khôi, anh Đang là hoàn toàn có thật, còn chỉ đạo cho ông NG Công Hoan và NG Đình Thi chửi 2 vị này thậm tệ, thù nhóm Nhân Văn vì dám hạ bệ giá trị thơ Việt Bắc, đánh tới số Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Bui Ngọc Tấn. Bà Thanh vợ ông TH rất kên kiệu, trình độ cực thấp, nhưng được đưa lên làm chuyên viên của ban tuyên huấn TW, cầm đầu nhóm Báo cáo viên của Ban, ăn lương Vụ trưởng, đưa lên hàm thứ trưởng, cả ban biết rõ nhưng buộc phải chấp nhận, câm họng. Chính sách Giá – Lương – Tiền chính là của TH làm điều đứng lao động, viên chức, cả xã hội. Phong cách sống của TH cực kỳ quan cách, không có bạn bình đẳng, thân mật đâu. Ông Lành nhưng nổi tiếng ác, độc, kiêu, cá nhân, thế mà thơ lại hay !

Cuối đời chính TH thú nhận là đã bịa đặt, phịa ra nhiều trong thơ, như bài Điện Biên Phủ, có lên đó đâu, nhưng vẫn tưởng tượng, hoa mơ Hồng Cúm, tiếng loa các bản,

ngọn lửa dân công ... đều tưởng tượng ra hết. Văn điệu, hình ảnh rất hay, nhưng truyền cảm không sâu, giá trị thẩm mỹ không bền.”

Vài ý kiến trao đổi. Chúc anh và gia đình vui mạnh.

1. Tin(26)

(26) Thư của ông Bùi Tín

Nhà văn Vũ Thư Hiên nhận xét về Tố Hữu gửi qua điện thư:

” Văn Cao sinh thời có kể cho tôi nghe chuyện lần đầu gặp Tố Hữu vào tháng 8 năm 1945: “Bọn mình hay tụ hội ở ngôi nhà phố Cầu Gỗ. Đang vui chuyện thì thấy một cậu bước vào, ghé dít ngòai xuống phản, mới hỏi là ai đấy thì xưng là Tố Hữu. Mình ờ ờ rồi tiếp tục câu chuyện đang rôm rả. Có thể mà nó hận mãi. Thơ của nó sau mình mới đọc, ít chất thơ, nhiều tuyên truyền”. Cái chữ “ghé dít ngòai” là nguyên văn, tôi không quên, rất ấn tượng. Trần Dần sau có trả lời khi được hỏi nhận định về thơ Tố Hữu: “Chúng tôi ở hai lĩnh vực khác nhau, tôi làm thơ, anh ấy làm vẽ”, hình như trong tạp chí Sông Hương. Tôi không tin Tố Hữu sau này lại nói khác với những gì đã nói khi đánh “Nhân Văn – Giai Phẩm”. Ông ta là người rất tự tin ở sự vĩ đại của mình, đó là ấn tượng của tôi về TH. Tôi nhớ có lần tiễn một đoàn nhà văn đi Liên Xô ở ga Hàng Cỏ, tôi cũng có mặt (thời ấy người ta thường đi tàu hoả qua Bắc Kinh, rồi đi tiếp cũng bằng tàu hoả đến Moskva, chứ không đi tàu bay như bây giờ), TH chờ mọi người đến bắt tay mình, chứ không đưa tay ra cho ai trước. Tôi khó chịu, không bắt tay, bức ảnh chụp chung sau có ai gửi cho cũng không giữ.

– Vì thế bà vợ TH, là bà Thanh, nói không tin những bài phỏng vấn nọ, tôi nghĩ là đúng. Bà này rất tự hào về ông chồng, lại không biết uốn éo khi nói.

– Văn Cao nói với tôi: “Khởi xướng đánh “Nhân Văn -Giai Phẩm” không phải Tố Hữu đâu, mà là “Longue Marche” (Trường Chinh). Trường Chinh cần có cái thùng rác để đổ vào cho người ta quên đi cái tội cải cách ruộng đất. TH dù sao cũng là thằng làm thơ, nó không tệ đến thế”..(27)

(27) Thư của Vũ Thư Hiên .

Ngoài Văn Cao, Nguyễn Tuân cũng là người rất kị Tố Hữu. Sự đố kỵ ấy hiểu được đối với một người như Nguyễn Tuân! Ông coi thường những

anh nhà thơ nhà văn cật thế khi làm chính trị.

Một vấn nạn về bài phỏng vấn của Nhật Hoa Khanh với Tố Hữu

Sau khi Tố Hữu qua đời thì trên mạng Talawas có cho đăng bài phỏng vấn này của Nhật Hòa Khanh .Bạn đọc có thể tìm đọc bài phỏng vấn của Nhật Hòa Khanh đầy đủ trên trang điện tử Talawas 5 kỳ liền .. Cuộc phỏng vấn này sau đã in thành sách và được một số báo chí trong nước đăng lại.Tuy nhiên có nhiều chi tiết mà chính tác giả khi nói chuyện với phu nhân của ông Tố Hữu thừa nhận có sai sót .

Ông Nhật Hoa Khanh tên thật là Nguyễn Huy Đức, sinh năm 1941 tại Hà Nội, hiện đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường 3, quận 10, TP HCM.

Ông tốt nghiệp Đại học Sư phạm năm 1961, sau đó dạy học ở Tây Bắc một thời gian rồi chuyển về miền xuôi làm việc tại Sở Giáo dục tỉnh Hải Hưng (cũ) rồi Sở Giáo dục Hà Nội. Từ năm 1979, Nhật Hoa Khanh chuyển sang làm phóng viên Báo Sài Gòn Giải phóng cho đến năm 1981 thì bị buộc thôi việc. Sau đó, ông làm việc cho một số tờ báo khác cho đến năm 2002 thì nghỉ, chuyển từ TP. HCM ra Hà Nội.

Ông Nhật Hoa Khanh đã từng phỏng vấn Trần Văn Khê cũng như nhiều người khác. Nhưng không bị phản đối như cuộc phỏng vấn ông Tố Hữu. Sau đây xin lược tóm một vài ý kiến:

Bài phỏng vấn Tố Hữu với tựa đề: “Gặp Tố Hữu tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng” của Nhật Hoa Khanh được công bố sau khi ông mất đã gặp phải sự phản kháng từ gia đình ông. Vào tháng 4 năm 2004, tài liệu này bắt đầu được phổ biến trong giới văn nghệ, báo chí tại Việt Nam. Vào tháng 5 năm 2004, báo Quân Đội Nhân Dân trích đăng 3 kì từ tài liệu này với nhan đề “Tố Hữu” và “Hoan hô chiến sĩ Điện Biên”, (kì số 3 vào ngày 7 tháng 5 năm 2004). Ngoài ra bài này cũng được đăng thành nhiều phần nhỏ trong các báo khác như Nhân Dân, Tiền Phong Chủ Nhật, Người Hà Nội,... Nội dung bài phỏng vấn có nhắc tới các sự kiện văn hóa trước đây như Nhân văn-Giai phẩm và các nhà văn nạn nhân..., ông Tố Hữu có những lời ca ngợi các người này.

Bài phỏng vấn được thực hiện năm 1997, nhưng đến khi phổ biến thì bị bà Vũ Thị Thanh, vợ của Tố Hữu, phủ nhận và cho đó là những tài liệu giả mạo “pha chế nhiều ý kiến riêng, mượn danh Tố Hữu, biến Tố Hữu thành người phát ngôn cho ý mình”. Bà yêu cầu cơ quan chức năng vào cuộc để điều tra làm rõ sự giả mạo của tài liệu này, nhưng ông Nhật Hoa Khanh nói có đầy đủ băng ghi âm ghi lại cuộc nói chuyện của ông với Tố

Hữu(14).

(14) Theo tờ Công An Nhân Dân:

Nội dung tập tài liệu đề cập đến nhiều vấn đề quan trọng trong đời sống tư tưởng văn hóa liên quan trực tiếp đến quan điểm, suy nghĩ của nhà thơ Tố Hữu, tựu trung lại bao gồm 5 ý chính. Một là chuyện liên quan đến nhà thơ Tố Hữu trong hồi ký Phạm Duy. Hai là về hai bài thơ của nhà thơ Tố Hữu: Mười năm và Tiểu đội Anh hùng. Ba là hoàn cảnh sáng tác bài thơ Nước non ngàn dặm. Bốn là cảm nghĩ của nhà thơ Tố Hữu về Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Năm là đánh giá của Tố Hữu về một số văn nghệ sĩ.

Nhật Hoa Khanh viết trong tập tài liệu rằng, ông đã có cuộc gặp với nhà thơ Tố Hữu vào chiều tối 26/4/1997, tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng, Hà Nội. Cuộc gặp này, theo Nhật Hoa Khanh, kéo dài chừng 7 giờ (từ khoảng 14h đến 21h) và những lời kể của nhà thơ Tố Hữu đã được ông ghi lại. Tuy nhiên, bà Vũ Thị Thanh, phu nhân của nhà thơ Tố Hữu, người gần gũi nhất với nhà thơ đã bác bỏ điều này.

Bà nói: “Trong tài liệu Nhật Hoa Khanh có nói đến khi làm việc, anh Tố Hữu có ho nhiều mà thời gian kéo dài từ 14h đến 21h là không đúng, vì nếu có thì tôi sẽ tìm cách ngăn không để anh ấy làm việc quá lâu, trừ khi anh Tố Hữu tiếp chuyện những đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước. Điều mà Nhật Hoa Khanh viết như thế là vô lý”.

Một thời gian ngắn sau khi phát tán tài liệu này, chính Nhật Hoa Khanh đã gọi điện cho bà Vũ Thị Thanh nói rằng: “Trong bài viết của em có chi tiết sai, anh Tố Hữu tiếp em đến 7h tối chứ không phải là 9h đêm”.

Mặt khác, còn nhiều bất hợp lý quanh sự ra đời của tập tài liệu trên. Theo Nhật Hoa Khanh thì đây là lần đầu tiên ông được gặp nhà thơ Tố Hữu. Với một người mới tiếp xúc lần đầu tiên, nhà thơ Tố Hữu không thể chuyện trò lâu được đến như vậy. Chỉ riêng chuyện về thời lượng cuộc gặp, lời kể của Nhật Hoa Khanh trong tập tài liệu đã không có đủ độ tin cậy.

Cũng theo báo Công An Nhân Dân, hiện Nhật Hoa Khanh chỉ có một cuộn băng ghi âm thời lượng 45 phút ghi lại cuộc trò chuyện của ông với nhà thơ Tố Hữu. Nội dung cuộn băng ghi âm này là câu hỏi của Nhật Hoa Khanh và lời kể của nhà thơ Tố Hữu xung quanh bài thơ Nước non ngàn dặm. Theo Nhật Hoa Khanh thì cuộc trò chuyện với nhà thơ kéo dài 7 tiếng (sau này đính chính là 5 tiếng), đề cập đến 5 vấn đề, nhưng băng

ghi âm lại chỉ có 45 phút và chỉ có một vấn đề.

Nhật Hoa Khanh còn giải trình rằng, song song với việc ghi âm, ông còn ghi tốc ký cuộc gặp này vào một cuốn sổ tay. Nhưng ngày 20/8/2004, khi ông đưa ra cuốn sổ này thì đó là một cuốn sổ tay khổ 10×7 cm, nhỏ như một quyển lịch tay, dày 123 trang ghi chi chít chữ kín tất cả các trang. Toàn bộ phần ghi chép trong 123 trang khổ nhỏ này sao ra khổ giấy A4 (đã dịch tất cả những chữ viết tắt) thì chỉ được có 32 trang. Trong khi đó tài liệu ông Nhật Hoa Khanh cho phát tán lại có những 67 trang khổ A4.

Theo Nhật Hoa Khanh thì tài liệu đã được ông ghi lại theo lời kể của nhà thơ Tố Hữu từ tháng 4/1997, nhưng mãi 7 năm sau (tháng 4/2004) khi nhà thơ Tố Hữu không còn nữa, Nhật Hoa Khanh mới cho lưu hành, phát tán. Trước khi tài liệu lưu hành không được nhà thơ Tố Hữu và bất cứ ai trong gia đình nhà thơ đọc lại.

Cũng theo Công An Nhân Dân, các cơ quan chức năng thời gian qua đã tiến hành kiểm chứng, đối chứng tài liệu đang phát tán và các tài liệu, sổ tay của tác giả Nhật Hoa Khanh; đã phân tích khách quan, khoa học một số nội dung, sự kiện được ghi trong các tài liệu đó; đã tham khảo ý kiến của những người gần gũi với nhà thơ Tố Hữu và đã có đủ cơ sở để khẳng định: Phần lớn nội dung trong tài liệu Gặp Tố Hữu tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng của Nhật Hoa Khanh là giả mạo, xuyên tạc, bịa đặt.

Người viết đã mượn danh nhà thơ Tố Hữu để truyền bá những quan điểm, ý kiến riêng không lành mạnh, có dụng ý xấu của mình về một số vấn đề quan trọng trong đời sống văn học nghệ thuật Việt Nam. Những nội dung giả mạo, xuyên tạc, bịa đặt trong tập tài liệu này đã làm tổn hại đến uy tín, nhân cách của nhà thơ Tố Hữu.(13)

(13) Theo Công An Nhân Dân

Được hỏi ý kiến về vấn đề này, nhà văn Vũ Thư |Hiên cho hay :

“Tôi không tin Tố Hữu sau này lại nói khác với những gì đã nói khi đánh “Nhân Văn – Giai Phẩm”. Ông ta là người rất tự tin ở sự vĩ đại của mình, đó là ấn tượng của tôi về TH. Tôi nhớ có lần tiễn một đoàn nhà văn đi Liên Xô ở ga Hàng Cỏ, tôi cũng có mặt (thời ấy người ta thường đi tàu hoả qua Bắc Kinh, rồi đi tiếp cũng bằng tàu hoả đến Moskva, chứ không đi tàu bay như bây giờ), TH chờ mọi người đến bắt tay mình, chứ không đưa tay ra cho ai trước. Tôi khó chịu, không bắt tay, bức ảnh chụp chung sau có ai gửi cho cũng không giữ.

– Vì thế bà vợ TH, là bà Thanh, nói không tin những bài phỏng vấn nọ, tôi nghĩ là đúng. Bà này rất tự hào về ông chồng, lại không biết uốn éo khi nói.

Số phận những nhà văn và trí thức trong vụ NVGP

Theo hồ sơ của Đại sứ quán CHDC Đức, Tố Hữu, ” Ủy viên Bộ chính trị kiêm Trưởng ban Văn hóa Bộ chính trị đã thông báo cho cho các đại diện ngoại giao của các nước XHCN ở Hà Nội về sự phân loại ” các lực lượng chống đối trong Văn nghệ” làm ba loại :

– Nhóm I: gồm những tên phản bội, từng làm việc cho Pháp. Có tên từng là nhân viên phòng nhì của Pháp. Những tên này lợi dụng Hiệp định Genève để ở lại hoặc trở lại miền Bắc. Bọn này là những cái cho các chương trình phát thanh của Mỹ và ngụy quyền miền Nam ..(Đối với mỗi tên này đều có một hồ sơ đầy đủ về các quan hệ phản bội và các hoạt động nhân dân của chúng (...). Và ngày 10 tháng tư năm 1958, ” ba tên bỉ ổi nhất” là Nguyễn Hữu Đang, Lưu Thị Yến (tức Thụy An) và Trần Thiếu Bảo (tức Minh Đức đã bị bắt giam tại Hỏa Lò và khởi tố về tội phản động (chứ không phải tội tham gia NVGP) (....)

(...) Heinz Schutte, Năm mươi năm sau: Trăm hoa đua nở ở Việt Nam 1954-1960

Nhận được tin này, ông Nguyễn Hữu Đang đã tìm cách ra Hải Phòng để tìm cách bỏ trốn ra nước ngoài như Nam Tư hay Ấn Độ. Tuy nhiên ông đã bị bắt, có thể là do bị gài bẫy ..Trước khi bị ra tòa án và để chuẩn bị dư luận thì Mạnh Phú Tứ đã viết trên báo Nhân Dân vào ngày 15.4.1958 là Nguyễn Hữu Đang có “mưu đồ làm phản” đã cấu kết những phần tử tư sản phản động và bọn gián điệp của Đế quốc “, NHD trở thành một tên “phản cách mạng”, tên “phá hoại đầu sỏ ” rất nguy hiểm.

Hàng Nga thức dậy

Sau ngày hòa bình lập lại, truyện ngắn Con ngựa già của Chúa Trịnh, với bức minh họa tuyệt đẹp của họa sĩ Bùi Xuân Phái, đã làm xôn xao làng văn ngày đó. Chính bắt đầu từ cái truyện ngắn này anh đã mang thân vào cái nghiệp văn, ở anh cũng đáng coi là nghiệp chướng.

Anh còn một tập truyện ngắn, đâu như tám truyện thì phải, cũng một dòng “ngựa, voi”, chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan khắc nghiệt “bảo lưu” cùng với tài năng của tác giả. Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của

tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt.

Sau mười hai năm cách ly đời thường, Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả lại tự do, việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ “Tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán”. Rồi yên phận hẩm hiu, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay tròn làm nghề đập đinh, phụ với vợ thêm nghề bánh rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, gỉ sắt, mỡ rán vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn thiu, thỉnh thoảng chấm ngón tay vào đáy chén trà cạn, viết một từ gì đó lên mặt bàn...

Tôi thường đạp xe từ Nghi Tàm lên phố Mai Hắc Đế thăm anh, khi mang cho con diếc, con trôi vừa câu trộm được, khi mang mớ rau muống cấy ở vệ hồ, trong khi đó, thật bất ngờ, anh sáng tác thơ.

Đọc thơ anh, có bài chỉ vài câu, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp để đến xao xuyến tận đáy lòng – những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn nhưng không thấy.

Mới đây, Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam quyết định trích quỹ sáng tác của Hội làm món quà tặng sáu hội viên (trong đó có tôi) đã phải chịu nhiều thiệt thòi trong 30 năm qua: Hội in cho mỗi người một tập thơ bao cấp, tác giả tự chọn những bài thơ vừa ý trong thơ mình, dày từ hai trăm trang trở lại. Năm anh bạn đang dựng bản thảo. Tôi cả đời chưa bao giờ được in riêng một tập thơ càng hăm hở chuẩn bị.

Và bản thảo đã chuẩn bị xong, chỉ còn mang đến nộp. Trước khi nộp tôi đem đến anh Cung để tranh thủ một vài nhận xét. Nhân dịp này tôi đã đại dốt đọc lại tập thơ tích lũy của anh. Đọc xong, lòng hăm hở của tôi chùng lại. Tôi không còn muốn in thơ nữa! Tôi tự nhủ: in làm gì khi chưa có cặp mắt biết nhìn như Phùng Cung? Chúng ta hãy cần đọc không cần chọn:

*Mùa gieo mạ
Thoảng mùi ruộng ải
Thóc giống cựa mình
Nắng vắt ngọn tre đuôi én
Đùng đỉnh điệu cu cườm
Lay nhịp gió may*

*Nắng dứ
Đầu mùa nắng dứ
Hạt mồng toi rơi kệnh đất*

nghe trời
Chuối con gái vội hong
búp lụ
Cánh chuồn chuồn lia từng
bóng râm con.

Dưới mắt anh, cảnh vật hiện ra sinh động đến thế! Ngòi bút tôi đâu còn dám đua chen.

Thấy tôi chán nản, anh Cung động viên khéo: “Thời cơ chế thị trường, dư luận khách hàng mới là khuôn vàng thước ngọc. Hãy cứ cho ra, rồi lắng nghe dư luận”.

Trái với tình thế của tôi có điều kiện in rồi mà còn đắn đo, tình thế của anh Cung lại là muốn in mà không có điều kiện. Anh dí dỏm gọi mĩa mai tập bản thảo thơ anh là “Hàng Nga ngủ trong rừng”.

Như mọi người đã thấy, ngày nay ở nước ta xuất bản thơ là việc khó khăn lắm. Bạn muốn in thơ? Xin mời! Cứ việc bỏ tiền ra mà in. Nhà xuất bản chỉ có thể tham gia bằng cách chịu một phần trách nhiệm về nội dung và đứng ra xin giấy phép xuất bản, với điều kiện bạn trả tiền lệ phí. Một nhà thơ nghèo như Phùng Cung, năm nay đã sáu mươi năm tuổi, có lẽ đến lúc “chọn đất sạch dọn mình vào vĩnh viễn” cũng không hy vọng thơ mình được người đọc thưởng thức qua những dòng chữ in. Hàng tháng, chỉ với mâm cơm gia đình “bốn mùa rong ruổi chón rau dưa” cộng thêm vài chục nghìn tiền điện, dăm nghìn tiền nước, chị Thoa vợ anh cũng đã phải tất tả chạy giật nóng quanh bà con lối xóm. Thơ anh đành nằm chờ...

Nhưng tôi quyết tâm in bằng được thơ anh. Tôi sẽ đi khắp Trung, Nam, Bắc đọc rong thơ của anh và quyên góp tiền. Tôi ước tính muốn đủ tiền để in hai trăm bài thơ ngắn, tôi sẽ phải đi đọc thơ và quyên tiền đến một năm, trong khi đó bao nhiêu chuyện có thể xảy ra làm cho công việc thêm phức tạp. Quá trình phấn đấu hẳn phải chia thành nhiều đợt đi đi, về về...

Nhưng tôi đã gặp một chuyện bất ngờ. Một hôm, trong bữa cơm gia đình có anh Nguyễn Hữu Đang dự, tôi nói:

– Em sắp đi xa, vắng nhà chừng khoảng một năm. Anh nhớ luôn luôn đến nhà em ăn cơm với vợ con em cho vui.

– Chú có công chuyện gì mà phải xa nhà lâu thế?

– Em đi đọc thơ rong, duyên góp tiền để in cho anh Phùng Cung tập thơ. Cả một đời gian khổ vì cái nghiệp bút mực, anh ấy chỉ có một ước vọng được in một tập thơ để tặng bạn hữu và góp mặt với đời trước khi vĩnh biệt chúng ta.

– Tôi gặp chú Cung luôn, sao không thấy chú ấy nói chuyện này với tôi?

– Anh Cung không nói, em cho là anh ấy nghĩ có nói anh cũng không giúp được gì, chỉ làm anh thêm bận tâm.

– Tập thơ chú Cung đâu, chú đưa tôi xem.

Anh Đang đọc chăm chú hết tập thơ. Anh khẽ gật đầu có mái tóc ngắn quen thuộc, nói:

– Tôi không ngờ thơ chú Cung khá thế. Theo tôi còn khá hơn văn xuôi chú ấy. Bây giờ thế này chú Quán nhé: chú không phải đi đâu hết. Tôi sẽ cho chú Cung tiền để in tập thơ.

Tôi tròn tròn mắt:

– Thơ không rẻ như bèo đâu anh ơi! In một tập thơ vài trăm trang với hình thức chỉ xoàng xoàng thôi, anh có biết phải mất bao nhiêu tiền không? Từ hai triệu đến hai triệu rưỡi đấy!

Tôi tưởng anh phải tái mặt tưng hửng trước số tiền mà tôi vừa thông báo. Anh vẫn bình tĩnh lạt lạt những trang thơ, đọc lại một vài bài vừa rồi chưa đọc kỹ, rồi chậm rãi nói:

– Tôi sẽ cho chú Cung đủ tiền để in, dù có tốn như chú vừa nói.

Không để tôi hỏi anh lấy đâu ra tiền, anh giải thích luôn:

– Tôi cho chú ấy dùng tất cả số tiền tôi dè sẻn từng đồng dành dụm được trong hai mươi năm qua, nhất là từ bốn năm trở lại đây tôi có lương hưu, lại được những anh chị em cùng hoạt động hội Mặt trận dân chủ, Hội truyền bá quốc ngữ, Hội văn hóa cứu quốc, các Đội tuyên truyền xung phong chống Pháp, ngành Bình dân học vụ cùng những bạn bè xa gần, biết tôi còn sống và nghèo khổ, kẻ ít người nhiều họ gửi tiền đến giúp đỡ. Ngoài những khoản chi tiêu cần thiết hằng tháng, còn lại bao nhiêu tôi gửi tất cả vào quỹ tiết kiệm ngân hàng phòng xa phải dựng túp lều khi không còn ai cho ở nhờ, phòng xa lúc ốm nặng kéo dài, phòng xa cả lúc chết nữa. Nhờ vậy mà số tiền tiết kiệm của tôi cho đến hôm nay đã lên tới hơn

bốn triệu đồng. Sổ tiết kiệm đây...

Anh móc túi áo bộ đội cũ mặc bên trong, lấy ra cuốn sổ bọc trong ba lần giấy nhựa bóng, chẳng ngang dọc bốn dây cao su. Anh đặt sổ trước mặt tôi và bảo:

– Chú giữ lấy. Tôi sẽ làm giấy ủy quyền cho chú rút tiền ra sử dụng. Nếu số tiền này chưa đủ, tôi sẽ về quê đòi vài tạ thóc cho vay, bán đi rồi gửi thêm tiền cho chú. Tôi yêu cầu tập thơ phải in thật đẹp, mà đẹp giản dị, thanh nhã, chứ không rườm rà, lòe loẹt như nhiều tập thơ đang bày bán.

Không hiểu sao nghe anh nói tim tôi hồi hộp và cổ tôi như nghẹn ngào. Tôi được quen biết anh đã gần bốn mươi năm nhưng cho mãi tới hôm ấy tôi mới thật hiểu anh là người như thế nào. Nguyễn Hữu Đang là người nếu chi dùng cho bản thân thì một trăm đồng ba quả khế chua để gọi đầu (thay chanh mà anh sợ đất) cũng tiếc tiền, bắt đắc dĩ mới phải mua, nhưng đã là việc nghĩa hiệp thì sẵn sàng san sẻ đến đồng tiền cuối cùng. Thế đấy. Nếu bản thảo thơ Phùng Cung là “Hàng Nga ngủ trong rừng” thì tám lòng trợ giúp vô tư của Nguyễn Hữu Đang chính là “Hoàng tử đẹp trai” đến đánh thức.

Và nhất định tập Xem đêm sẽ ra đời. [1]

Hà Nội ngày 20 tháng 11 năm 1994

[1]Sau khi nhà thơ Phùng Quán từ trần (tháng 1/1995) tập thơ của Phùng Cung đã được xuất bản. Bài này ông Quán viết để in vào tập Xem đêm làm lời cuối sách song nhà xuất bản đã không thực hiện được. Sau đó ông Quán đã cho đăng trên một tờ báo bên Pháp.

bản để in Gửi bài này cho bạn bè Tiến tới xét lại một vụ án văn học: Con người Trần Dần

Lời toà soạn báo Nhân văn số 1, ra ngày 20.9.1956

Ít lâu nay, nhất là trong giới văn nghệ, vấn đề Trần Dần được nhiều người nhắc tới. Đó không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà chính là vì vấn đề Trần Dần không còn là một vấn đề riêng của anh hay của một số người nào, mà là vấn đề của chung, có liên quan tới quyền chính đáng tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do sáng tác của tất cả mọi người.

Theo tinh thần đó, chúng tôi đăng bài này.

Lần đầu tiên tôi biết Trần Dần là trong một trại hè của các đoàn văn công quân đội năm (19...) Dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xéch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con.

Tôi biết tiếng anh từ lâu – Ở bộ đội Sơn La, từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình.

Tới trại hè năm 1951, các đoàn văn công nỗ lực tập luyện để phục vụ một chiến dịch lớn. Trần Dần phụ trách huấn luyện cho mấy trăm anh chị em: sáng tác đạo diễn và diễn viên. Trong bóng rợp của một rừng nứa, giọng anh rủ rỉ như lời tâm sự, giảng về văn nghệ nhân dân. Văn nghệ do dân, vì dân, có Đảng lãnh đạo. Giọng anh thấm thía từng ngày lên lớp. Mấy trăm anh chị em lần đầu tiên được học một tài liệu dài đến gần hai tháng, đều vui trong lòng như một người đi trong đêm rét, chợt nhìn thấy lửa ấm của một túp nhà. Học xong tài liệu Văn nghệ nhân dân, anh chị em say sưa công tác hơn vì người giảng viên Trần Dần đã thổi vào tâm sự mọi người một cái tự hào. Đến bây giờ tôi (...) [1] Lỗ Tấn mà Trần Dần đọc ra để dẫn chứng cho tài liệu:

*Hoành mi lệnh dôi thiên phu chí
Phủ thủ cam nhi nhụ tử ngưư*

Học xong phần lý luận có thể nói hầu hết anh chị em văn công đều yêu mến Trần Dần như một người bạn từ lâu lắm. Những người có chuyện riêng gỡ mãi không ra, đều tìm đến hỏi Trần Dần. Một anh sắp lấy vợ, một chị bị ép chồng, một diễn viên già có vợ ở vùng tạm chiến, đều đến tìm Trần Dần – không phải là một câu trả lời thoả đáng – nhưng chính là một sự an ủi, một câu nói chí tình, và để nghe ở anh cái giọng cười quen thuộc, giọng cười vô tư, rất yêu đời.

Dần dần anh chị em gọi Trần Dần là “thầy tướng” và lắm khi tin anh như một người đau khổ ngày trước tin số mệnh, đã đặt cho anh một cái tên “Trần Dần cóc tử”.

Hồi ấy Trần Dần yêu một nữ diễn viên văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng yêu của người đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, chỉ non thề bẻ, xem lá rụng, hoa tàn để vừa ý một cô gái rất đỏng đảnh. Gặp cô, anh “tấn công” luôn, rất thô

kịch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp.

Rồi anh thất vọng to, và cũng biết khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!” Mãi về sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, đẹp và anh đứng trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện Người người lớp lớp [2].

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Trần Dần thức thâu đêm suốt sáng để viết bản thảo lần thứ ba cuốn truyện về những người đã tạo ra chiến thắng lịch sử lớn lao đó. Đạo ấy tôi thấy anh gầy rộc đi, mắt trũng trong một quầng thâm rộng. Nhưng mắt anh có những tia sáng mới. Anh biết anh đang luyện ngòi bút cho thật sắc sảo, “có sắc sảo mới diễn tả hết con người và cuộc đời”. Anh rất ghét lối viết dễ dãi, tạm bợ, tả bộ đội chỉ thấy súng nổ, lửa bốc, chỉ thấy uyển oàng mà chẳng thấy người. Anh gọi những loại văn đó là: văn chương khói lửa mịt mù. Nhìn vào những trang sách, đọc giả tìm kiếm mãi mà chưa thấy một người, chưa thấy việc đời, chỉ thấy lờn nhồn những bộ máy lấp đi lấp lại và một lô danh từ, hình ảnh trống rỗng, thùng rỗng kêu to.

“Nhưng cái hướng chính của tôi không phải là tiểu thuyết. Hướng đi của tôi là thơ. Tôi sẽ tìm tòi trong thơ và cố gắng tạo ra một lối diễn tả riêng biệt – không phải lập dị- nhưng độc đáo.”

Trần Dần đã nói với tôi như vậy sau khi anh viết xong Người người lớp lớp. Hồi đó, anh có đưa tôi xem tập thơ làm đã lâu: Tiếng trống tương lai [3].

Đọc lần đầu tiên, tôi không thích. Tôi cho Trần Dần là lập dị. Đọc lần thứ hai, thứ ba, tôi vẫn không thấy thích, nhưng dần dần tìm ra được nhiều cái mới lạ, khác với nếp cũ thông thường. Tuy nhiên, tôi vẫn không thấy thích cái lối thơ ấy. Dần dà đọc nhiều bài thơ anh làm về sau, tôi càng thấy “cái anh chàng này khác thường”. Khác thường theo ý tôi chưa chắc là đã hay. Dù sao do thơ Trần Dần, tôi suy nghĩ nhiều về trách nhiệm người làm thơ trước cuộc đời: đi sâu vào đời sống có suy nghĩ của con người, tìm cách diễn tả riêng, tạo ra một thế giới riêng cho mình. Tôi thấy thơ Trần Dần có phần đau xót, u ám, nhiều khi rất buồn, vừa cộc cằn lại vừa có cái tự hào sôi nổi, nhiệt tình thẳng thắn, táo bạo.

Nhưng giọng thơ của anh, vẫn không lọt được vào tâm hồn tôi – một người làm thơ theo một dòng khác. Dù sao tôi vẫn trân trọng và quý mến những cái tìm tòi của Trần Dần trong thơ. Tôi cũng nghĩ như anh thường nói: Mỗi người làm một kiểu. Có thơ như tiếng sáo, có thơ như tiếng kèn, có thơ như tiếng trống. Đừng bắt thơ ai phải giống ai. Có thể mới thành một cuộc “hoà âm” lớn của thi ca. Đọc giả thơ cũng ví như người xem

xiếc. Có người thích kiêu tung cầu, kiêu đứng trên lưng ngựa. Lại có người thích xem dạy hổ, leo dây. Nhiều khi sợ đến rùng mình, nhắm mắt. Mỗi dòng thơ thích hợp cho một loại độc giả. Có thể mới trăm hoa đua nở được. Gò bó theo ý thích chủ quan của một vài người, thơ sẽ thành hoa giấy đóng hộp bày trong tủ kính.

Hồi đó, tôi chưa biết Mai-a-cốp-sky. Khi hoà bình lập lại, về Hà Nội, đọc Mai-a, tôi thấy hơi thơ và cách diễn tả của Trần Dần có nhiều chỗ giống Mai-a. Tôi trách anh:

“Sao cậu lại bắt chước Mai-a? Bắt chước thì không thể nào độc đáo được.”

Trần Dần nói:

“Tâm hồn có giống nhau thì mới ảnh hưởng sâu sắc được chứ! Mình bị ảnh hưởng Mai-a thực, nhưng cái chính là mình chịu ảnh hưởng thực tế cách mạng Việt Nam. Do đó mình sẽ dần trở thành mình.”

Viết xong Người người lớp lớp, Trần Dần được phân công viết thuyết minh cho cuốn phim Chiến thắng Điện Biên Phủ và anh được cử sang Trung Quốc làm nhiệm vụ đó. Nhưng đi kèm bên cạnh anh là một cán bộ chính trị có quyền tối hậu quyết định [4]. Anh cán bộ này, đáng lẽ phạm vi công tác là góp ý kiến vào nội dung bản thuyết minh và bảo đảm cho nó không phạm những sai lầm về đường lối chính sách của Đảng trong chiến dịch Điện Biên Phủ, thì đã lợi dụng uy quyền của mình đi quá xa vào phạm vi văn học, bắt Trần Dần phải viết như ý mình, từng câu từng chữ, lạm dụng danh từ chính trị khô khan rộng tuếch để nhét cho kỳ được vào bản thuyết minh.

Đầu tiên, Trần Dần rất phục tùng người cán bộ chính trị khi dự thảo thuyết minh, và hoàn toàn theo sát những vấn đề chính trị sẽ đặt ra khi thuyết minh. Đến khi thấy anh cán bộ ấy “lên gân” và thọc bàn tay cứng lạnh vào phạm vi viết văn thì Trần Dần bắt đầu có phản ứng. Nhưng anh vẫn bình tĩnh, đề nghị cấp trên xét lại vấn đề. Đến khi “anh cán bộ vẫn là tối hậu quyết định cả từng câu chữ” thì Trần Dần thôi không làm công việc đó nữa, nhường cả phần “văn chương” cho đồng chí cán bộ.

Sau việc này sự mâu thuẫn giữa văn nghệ sĩ và cán bộ chính trị bắt đầu phát triển khá mạnh trong con người Trần Dần. Anh vẫn cố dẹp đi, nhiều lúc anh thần thờ ít cười ít nói nhưng vốn là con người chân thực – cái chân thực nhiều khi đến thô lỗ – lắm khi anh đã cục cằn, thốt ra những lời gay gắt thiếu lịch sự. Anh thường bàn với anh em, khi thấy nhiều thắc mắc quanh việc này: “Ôi già! Cái con số cán bộ chính trị bóp chết nghệ

thuật thì không ít đâu. Làm thế nào để Trung ương Đảng biết rõ tình hình và đề ra những chính sách cụ thể cho văn nghệ sĩ, đó là nhiệm vụ của mỗi đứa chúng mình. Tin Đảng, yêu Đảng, đi theo Đảng đến cùng thì phải có phần góp ý kiến cho Đảng. Đảng cần nhiều khối óc, cần nhiều bàn tay, cần nhiều trái tim, chứ Đảng không cần đến những con người máy, giật thế nào làm thế ấy”.

Đó là động lực thúc đẩy Trần Dần, rồi đến Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Trúc Lâm, Hoàng Tích Linh, và rất đông anh em công tác văn nghệ trong bộ đội dự thảo ra bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” trình bày với cấp trên hồi đầu năm 1955, tại Hà Nội.

Bản dự thảo sắp được thông qua. Một vài cán bộ cao cấp trong quân đội tỏ ý tán thành những điểm chính trong bản đề nghị đó, và nhất là hoan nghênh tinh thần xây dựng của bản đề nghị.

Trong thời gian bản dự thảo còn bàn đi bàn lại, thì bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của Trần Dần. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Trần Dần gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc mới yêu người ta dễ say. Trần Dần lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Anh mê man với mỗi tình đó buổi đầu và đã đôi ba lần làm trái với nội quy sinh hoạt của bộ đội. Cái tật xấu nhất của Trần Dần là bừa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bừa bãi. Mới quen lần đầu đã nhiễm nhiên vác ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi cưỡi lừa âm ỹ. Anh đã sẵn sỏ đòi tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ vì sợ đôi mắt xéch đã đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, và đến lúc nhượng bộ cuối cùng: chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang ốm yếu, được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền. Và anh đề nghị cấp trên cho anh được cưới.

Một người con gái mới lớn, đã sống trong không khí tôn giáo, sống trong vùng tạm chiếm lâu năm, lại có được uỷ quyền cho thuê mấy cái nhà, bây giờ bỗng dưng yêu một anh cán bộ quân đội. Vấn đề gì đặt ra đây?

Trần Dần vẫn yêu đắm đuối và ngang ngạnh. Anh đề nghị đơn vị đi sát giúp đỡ anh. Lý lịch người thiếu nữ, theo anh, không có gì là mờ ám. Một công dân còn trẻ, chưa hiểu việc đời nhiều lắm, trình độ chính trị rất thấp, nhưng biết yêu lá cờ vinh quang của Tổ quốc, ngày giải phóng thủ đô, cũng chạy ra đường vẫy quân đội, miệng hoan hô không biết mỏi.

Trần Dần ngày càng không thể dứt ra được tình yêu dù anh biết mối tình đó sẽ gặp nhiều trắc trở. Quả nhiên, không ai “tán thành” tình yêu của anh, trừ một vài người bạn thân. Có người lên giọng đạo đức: Thằng Dần sa ngã rồi. Mới về Hà Nội đã hư hỏng, hoà bình chủ nghĩa thật.

Có người nghiêm nét mặt, đề cao cảnh giác: Cẩn thận! Kẻo sa lưới địch! Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta.

Tình yêu của Dần với cô gái Hà Nội đã làm cho anh em chung quanh bàn tán sôi nổi. Nhưng không ai chịu khó đi tìm chân lý. Những câu chuyện nói cho vui mồm, những lời dèm pha, chế giễu, những “nhận định” cao siêu, những “lập trường” “quan điểm” giai cấp tính, tư tưởng tính, “tư sản” và “vô sản” v.v... Người ta rút những câu to lớn nhất trong hàng chục pho sách chính trị để quy kết cho một mối tình.

Trần Dần đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất ngấn, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Có vài căn nhà được uỷ quyền cho thuê, chị đã nghe lời anh đem giao lại cho Ủy ban nhà cửa. Đầu tiên, khi nghe người yêu bàn việc đó, chị K. ngạc nhiên mắt đen tròn mở to:

“Thế rồi sống bằng gì hả anh? Sao lại giả nhà cho Chính phủ hở anh? Chính phủ có kết tội những người có nhà cho thuê không hở anh?”

Rất nhiều câu hỏi. Anh đã bàn:

“Không! Chính phủ vẫn bảo đảm cho người có nhà cho thuê. Nhưng chúng mình phải làm lấy mà sống. Không nhờ vào đâu cả, ngoài bốn cánh tay mình, đủ sống thì thôi.”

Trần Dần hết sức giải thích cho người yêu và hướng người yêu vào công đường “làm lấy mà sống” “đừng nhờ vả ai”. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, về sau tôi lại gặp rất đau xót, trong bài thơ “Nhất định thắng” in trong tập Giai phẩm mùa Xuân 1956.

Mối tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần Dần không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Cùng một thời gian đó, bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” thảo luận chưa xong. Giời sang hè, mùa mưa tầm tã. Trần Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phố Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt

bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần Dần lại về đơn vị để rồi lại được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về:

Em đi trong mưa... cúi đầu... nghiêng vai

Đến ngày họp bàn về dự thảo chính sách, Trần Dần được anh em cử ra trình bày. Nguyễn vọng của bao nhiêu văn nghệ sĩ trong quân đội. Làm thế nào để sáng tác hay, phục vụ được sâu sắc. Anh nói say mê, nhiệt tình. Trong cách nói nhiều khi bốc. Mặt anh khi đỏ gay, khi tái lại:

“Giả văn nghệ cho anh em văn nghệ sĩ! Phân rõ ranh giới giữa cán bộ chính trị và văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ phải có sự lãnh đạo của Đảng, nhưng không thể biến thành cái máy v.v...”

Đột nhiên trong không khí hào hứng của gần ba mươi anh em văn nghệ sĩ đang sẵn sàng cởi mở hết để xây dựng một trong những chính sách lớn của Đảng, bỗng có một câu quật lại:

“Tinh thần bản đề nghị này chính là một thứ tư tưởng tự do của tư sản. Nó chứng tỏ tư tưởng tư sản đã bắt đầu tấn công vào các đồng chí!”

Giá câu nói ấy ở mồm một người thường thì cũng sẽ thường thôi. Nhưng lại ở một cán bộ có đủ thẩm quyền xét lại hay bác bỏ những đề nghị của văn nghệ sĩ, thì bắt đầu có một sự động cựa lớn. Những người trước kia tán thành bản dự án thì bắt đầu trở nên hoang mang.

Thêm vào đó, câu chuyện tình chưa được công nhận. Bóng người con gái hiền lành, hay khóc, người yêu của Trần Dần bỗng trở thành một thứ gì ám ảnh: Một bóng ma đáng sợ. Người nào muốn tỏ ra “lập trường tư tưởng vững chắc” không bị “tư tưởng tư sản tấn công” đều phải ghét người con gái ấy đi. Tình cảm day dứt đến cực độ, như một cành cây non bị quật lên quật xuống trong trận bão khổng lồ, Trần Dần không còn biết bực bực cùng ai. Nói gì bây giờ cũng khó lọt qua tai những người “vững lập trường lòng lim dạ sắt”. Trần Dần gần như phát điên. Hết đứng lại ngồi, lại chạy ra phố, lại về đơn vị, ở đâu anh cũng thấy như có những dây trói vô hình mỗi ngày một thít chặt vào trái tim anh.

Cùng một thời gian ấy, những sự kiện lớn trong phong trào văn nghệ dồn dập tới: Phê bình tập thơ [HYPERLINK](#)

“<http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=4855&rb=08>” Việt Bắc, Trần Dần nhận định tập thơ Tố Hữu nhỏ bé nhạt nhẽo trước cuộc sống vĩ đại và mắc một sai lầm nghiêm trọng là sùng bái cá nhân, thần thánh hoá

lãnh tụ.

Và truyện Người người lớp lớp phát hành hàng vạn cuốn, được hoan nghênh. Và cuộc phê bình Vượt Côn Đảo [5] cũng sôi nổi không kém cuộc phê bình Việt Bắc. Trần Dần viết một bài phê bình Vượt Côn Đảo giọng châm biếm cực cần, khiến nhiều người phản đối. Trong một không khí hết sức căng thẳng của văn nghệ bấy giờ, lại bị quy kết là thoát ly chính trị, tư sản tấn công, hoà bình chủ nghĩa v.v... rất nhiều anh em bị cuốn vào một chỗ mịt mù, chân lý gần như bị ngập bởi các thứ thành kiến, chụp mũ hung hăng.

Con giun bị xéo mãi cũng quằn lên. Trần Dần có lúc oang oang ăn to nói lớn, có lúc tranh luận sôi nổi, có lúc nóng nảy văng tục, có lúc làm lì ngòi một xó, khi thì ngâm thơ giọng buồn thảm thía, khi thì cao đàm hùng biện, khi thì lại vò đầu bứt tóc, nhiều lúc ứa nước mắt, ôm mặt nằm cò queo một mình, có lúc nấc lên, đầu bù tóc rối.

Tấn thăm kịch đã đi đến một chỗ thắt nút quằn quại. Người yêu của anh bắt đầu có mang. Và đột nhiên anh bị giữ ở đơn vị để kiểm thảo cùng với Tử Phác, quanh quẩn trong một gian phòng. Một tháng, rồi hai tháng, ba tháng. Những ngày đầu tiên, như cơn sốt rét đột ngột, anh kêu lên:

“Tôi có tội gì? Tôi có tội gì mà giữ tôi ở lại?” Người yêu anh bỗng thấy anh không về nhà nữa. Nhưng trận ốm nghén đầu tiên đã quật chị xuống như một con bệnh nặng. Mặt choắt lại, người chỉ còn da với xương. Một mình ở một căn nhà bừa bộn với một con chó gầy còm, không cha mẹ, không anh em [6], không bạn bè, chỉ có bà hàng xóm bán guốc thỉnh thoảng chạy đi chạy lại nấu cho bát cháo. Tôi đến gặp chị máu me, trông già đi hàng chục tuổi. Chị hỏi:

“Sao anh Dần không về với tôi nữa hở anh?”

Tôi giải thích: “Anh ấy bận công tác ít lâu thôi. Chị đang ốm, có cần gì, chúng tôi sẽ giúp chị.”

Chị oà lên khóc:

“Bộ đội có cho tôi lấy anh ấy không?”

Tôi lại khuyên nhủ:

“Có chứ! Ai cấm đâu!”

Chị bỗng khóc to hơn:

“Phải rồi, không ai cấm tôi và anh ấy lấy nhau. Bộ đội người ta không cấm nhưng anh Dần bỏ tôi rồi! Tôi bụng mang dạ chửa thế này, anh ấy bỏ tôi trốn rồi!”

Rồi chị gào lên:

“Bạc như vôi ấy giờ ơi! Anh ấy không muốn ăn ở với tôi nữa thì cứ bảo tôi biết, việc gì phải lấy cớ công tác này công tác nọ.”

Tôi thấy chua chát lạ lùng, nhưng chỉ nói tránh đi:

“Anh ấy bận công tác thật đấy mà!”

Chị vẫn một mực:

“Anh ấy nói dối! Cả anh nữa cũng nói dối. Thôi tôi chết đi! Tôi chết đi cho anh ấy đỡ bận! Mà đỡ phiền cả các anh...”

Một số bạn thân của Trần Dần phải cắt nhau đến canh ở đấy, giải thích an ủi, giúp đỡ một người con gái mới yêu lần đầu mà đã bị dao cắt ruột gan.

Trong những ngày u uất đó, anh không được biết tin người yêu, ngồi vò vố trong phòng kiểm thảo. Qua lúc đầu tiên đột ngột, tâm trí anh dần dần bình tĩnh lại. [7]

Ba tháng hết nằm lại ngò, anh đã trải qua một đoạn đời đau khổ. Nhưng ở Trần Dần luôn luôn có tình yêu sự sống rất mãnh liệt nó đã ngăn không cho anh đến chỗ huỷ hoại cuộc đời còn rất trẻ của mình. Anh viết bài thơ “Nhất định thắng” (vào khoảng tháng Tư 1955).

Lần đầu tiên tôi vào thăm anh, với một món quà nhỏ: Một túm nhãn tôi mua ngoài phố. Anh vò lấy ăn ngấu nghiến rồi cười oang oang: “Thi đua với các cậu làm thơ nhé!”

Thấy tôi rơm rớm nước mắt, anh bỗng hạ thấp giọng:

“Đừng buồn cho mình. Mình cũng nhiều khuyết điểm lắm: có tự kiêu, có nóng nảy, có tự do vô kỷ luật thật. Nhưng không bao giờ không trung thành với Đảng, dù bị mắc tiếng oan, dù bị kỷ luật. Và mình tin những cái độc đoán của một vài cá nhân rồi đây sẽ không còn nữa. Đảng là một khối sáng suốt. Tương lai chúng mình, Đảng sẽ đảm bảo, dù bây giờ

Đảng có thể chưa hiểu mình.”

Anh lại đọc Mai-a, đọc Sê-cốp, Goóc-ki. Anh lại nằm nghiền ngẫm Đất vỡ hoang và Trên sông Đông êm đềm của Sô-lô-cốp.

Cánh cửa có chấn song sắt khép lại, tôi lúi ra và cảm thấy gian phòng kia không còn chật hẹp, tù hãm nữa đối với một con người đầy lòng tin như Trần Dần.

Hết 3 tháng kiểm thảo, anh lại được về với người yêu. Chị ấy lúc đầu còn giận dữ:

“Thôi anh đi đâu thì đi, mặc xác tôi.” Nhưng chẳng bao lâu, mắt lại sáng, tiếng cười lại trở về trong căn nhà bẽ bộn những bàn ghế quần áo và ống chỉ, dao kéo. Chị đã bắt đầu may sẵn áo cho đứa con đang cựa trong bụng. Chị đã xin được việc làm:

Trời đã thôi mưa... thôi gió

Đã thấy nắng lên trên màu cờ đỏ

Rồi Trần Dần đi tham quan Cải cách Ruộng đất [8]. Bài thơ “Nhất định thắng” gửi Lê Đạt giữ từ lâu, anh cũng gần như quên đi, óc còn mãi nghĩ về những mặt khác của cuộc sống để chuẩn bị cho những bài thơ khác sẽ ra đời.

Đã gần đến Tết ta. Một số anh em đã thấy say sưa sáng tác. Tôi chạy đi chạy lại gom góp sáng tác của dăm ba người bạn và nghĩ rằng phải xuất bản một tập văn thơ mùa Xuân để đóng góp với mùa xuân mới của văn nghệ đang sắp nở.

Và nhận thấy cái kỷ luật “cấm sáng tác” do một vài người công bố đối với Trần Dần là một điều vô lý, sai chính sách của Đảng, và đang lúc Trần Dần đi công tác xa xôi không biết anh có sáng tác gì mới không, tôi bèn tìm lại bài thơ “Nhất định thắng” và cho đăng vào cái Giai phẩm mùa Xuân mà tôi là người soạn bài.

Cứ để bông hoa đó nở thì đã hại gì ai mà có thể có lợi. Nhưng hoa chưa kịp nở, thì đã bị dập vùi. Giai phẩm mùa Xuân bị kết tội, bài thơ “Nhất định thắng” bị kết tội. Người ta cho rằng cái bè phái độc quyền trong giới văn nghệ bị công kích (bắt đầu từ cuộc phê bình thơ Việt Bắc) đã tìm cách trả thù:

Trần Dần, Tử Phác đều bị tổng giam [9].

Cái nút thứ hai khốc liệt hơn, của tấn thảm kịch Trần Dần.

Những ngày mùa xuân 1956, tôi đau đớn như có búa nện vào óc, có đinh đóng vào tim, và có dây trói chặt vào chân tay.

Mùng hai Tết, tôi ăn bữa cơm cuối cùng với Trần Dần. Giữa hai tợp rượu, đã thấy những cơn bão đe dọa, mà lần này chắc ghê hơn lần trước. Chị K. không biết gì vẫn vui vẻ ngồi bóc bánh, rồi xếp dọn ba lô cho chồng để anh ăn xong thì lại đi công tác.

Không khí văn nghệ như sắp sửa có trận bão. Không biết từ đâu cái tin “Trần Dần phản động” “Trong Giai phẩm có mấy tên phản động” bỗng truyền ra rất nhanh. Những tin không hay dồn đến, bỗng vậy tôi và anh Trần Dần còn đang ăn dở miếng bánh chưng Tết. Chị K. tái mặt, để rơi đôi đũa, nước mắt đã vòng quanh:

“Thế là thế nào hả các anh? Phên này lại bị bắt nữa thì tôi sống thế nào được? Các anh rủ nhau làm những chuyện gì mà khổ sở thế không biết!”

Trần Dần cũng tái mặt, anh cắn chặt môi, xốc ba lô lên vai, an ủi vợ:

“Em đừng lo. Tin đồn bậy bạ đấy thôi. Anh đi công tác đây, gần đến tháng đẻ, em đừng lo nghĩ gì cả.”

Nhưng chị K. không thể bình tĩnh được. Chị tiễn chồng ra cửa khóc oà lên:

“Anh ơi... Anh có về nữa không, anh ơi!”

Cổ tôi bỗng nghẹn nước mắt. Tôi cố cười:

“Ồ cái chị này lần thần. Thôi để anh ấy đi nào...”

Trần Dần ngừng mặt bước đi, ruột tôi bỗng thắt lại: Chuyện này mà nó có làm sao thì chỉ tại mình. Đang tự dương bày ra cái Giai phẩm. Tuy chưa phải là những sáng tác xuất sắc, nhưng ít ra nó cũng nêu được vấn đề gì. Có vấn đề xã hội trong thơ Văn Cao, có vấn đề chống công thức trong thơ Lê Đạt. Và tuy tôi không hoàn toàn thích bài thơ “Nhất định thắng” của Trần Dần, tôi cũng đưa in, vì tôi thấy ít ra nó cũng khác với lối làm thơ một chiều. Dù sao thì cũng có ít ra vài ba con cá quẫy mạnh trên mặt ao tù bấy lâu phẳng lặng.

Từ những ngày Tết mưa lũ chã, cái bè phái độc quyền trong văn nghệ bắt đầu họp đứng họp ngồi để tìm cách đối phó với cái Giai phẩm. Một không khí ngạt thở đè nặng lên những anh em có bài trong tập sách đó. Rồi đến một đêm, bài thơ “Nhất định thắng” bị đem ra luận tội.

Y như một xóm đang đêm tối bỗng có tiếng kêu “Cướp! Cướp! Cướp đã đến”. Lập tức mọi người mắt nhắm mắt mở, vớ lấy giáo mác, gậy gộc, chạy xô ra ngõ, gặp một cái bóng đen. Cả làng hằm hè đánh. Roi gậy, giáo mác, gạch củ đậu thi nhau nện xuống cái bóng người. Một trận đòn nhử tử. Cái tâm lý đánh cướp này là tâm lý chung của những người muốn bảo vệ nhà cửa, xóm làng của mình. Cái bóng đen gục xuống. Mọi người lại về nhà đi ngủ. Sáng hôm sau, mặt trời mọc, đi ra ngõ, thì ra cái “bọn cướp” đó chỉ là một anh đang đêm nực nội mò đi hóng mây gió.

Những người đã cầm gậy đánh, đều rất có lý:

“Hô lên là cướp thì ông đừng giã bỏ mẹ đi à?”

Họ là những người yêu làng yêu nước, họ không có lỗi gì. Nhưng lỗi ở những ai hô cướp?

Kẻ nào hô ra hai tiếng “phản động” đầu tiên để gọi cả làng ra đánh chết Trần Dần?

Tôi cố suy mãi, lòng như dao chém. Thôi thế là đêm luận tội đã đóng án tử hình xuống một bài thơ; xuống một con người, đồng thời là một sự đe dọa nặng nề chung cho anh em văn nghệ sĩ đang muốn tìm những lối sáng tác khác với bè phái bên kia.

Sau cuộc lên án đó, tôi không được biết tin gì về anh. Tôi đoán biết được lần này thì anh sẽ thực sự ngồi tù. Vợ anh gần đến tháng ở cữ, vật vã khó suốt ngày suốt đêm vì quả nhiên, sau cái ngày mừng 2 Tết ấy, anh đi không về nữa.

Tôi cũng ân hận hết ngày ấy qua ngày khác, luôn thấy mình là thằng làm hại bạn: “Dần ơi, bây giờ mày nằm trong nhà tù nào, mày có trách tao không?”

Lần này tôi lo sợ hơn lần trước anh bị giam lỏng hơn 3 tháng. Lần này cái bè phái độc quyền văn nghệ kia nó quyết liệt hơn trước, trong không khí văn nghệ đã nghe thấy máu lửa. Tôi lo ngày lo đêm đến con người anh. Lần trước, anh còn chịu được và còn có thể bình tĩnh. Đến lần này, liệu anh còn có đủ can đảm chịu đựng hay không? Tôi đã nghĩ đến cái phút đau đớn cực độ, anh không thiết sống nữa thì một lưỡi dao, một cái đập

đầu vào tường... tôi sẽ mất một người bạn, và chúng ta mất tác giả
Người người lớp lớp, tương lai mất một nhà thơ.

Khi chị K. ốm nghén, bơ vơ trong một căn nhà, chồng gậy sang hàng xóm
xin từng ngụm nước, là lúc người yêu của chị đi ba tháng không về.

Khi chị K. đau quần quai, cho ra đời đứa đầu tiên của một mối tình cay
đắng, là lúc người yêu của chị lại đi... không biết bao giờ về.

Đứa bé ra đời, còm rom như một con mèo ốm. Nó quặt quẹo, sài đẹn
mấy lần tưởng chết. Chị K. nuôi con bằng nước mắt nhiều hơn bằng sữa.

Tin anh vẫn mịt mù. Lần này chị không còn hiểu làm anh là “phụ bạc” mà
chị đã biết thực sự. Chị không oán thán nữa, chỉ ôm con mà khóc. Có lần
tôi đến thăm, chị kể lể:

“Giá đừng biết nhau, đừng yêu nhau thì anh ấy đỡ khổ, tôi cũng đỡ khổ
và không đến nỗi phải cho ra đời một đứa bé khổ sở thế này. Liệu nó có
mất bố không hở anh? Liệu tôi có goá chồng sớm không hở anh?”

Tôi như bị chích vào vào gan. Bé đứa bé thấy nhẹ bồng, mặt mũi nó nhăn
nhúm, méo mó, tôi đã khóc và suy nghĩ rất lâu về giá trị con người. Đặt
tên cháu bé là gì để kỷ niệm những ngày bố cháu và nhân phẩm văn
nghệ sĩ bị trà đạp xuống bùn đen? [10]

Hôm nay

Trời đã thôi mưa thôi gió

Nắng lên đỏ phố đỏ nhà

Đỏ mọi bông tim lá phổi

Em ơi! Đếm thử bao nhiêu ngày mưa...

Sau khi học tập nghị quyết của Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên
Xô, cái tin vui từ lòng tôi tự dưng toả ra: Trần Dần chắc sẽ được về!

Quả nhiên, một buổi chiều sang hè anh đã về. Tin đó đến với tôi không
đột ngột lắm, vì tôi tin chắc ở ánh sáng Đảng Cộng sản Liên Xô, tin ở
chân lý mà Đảng ta nắm rất vững.

Anh đã về. Gặp anh, tôi không nói gì được. Về mặt anh vẫn vui, nhưng có
hằn thêm những nét khắc khổ. Da mặt xanh, người gầy gộc. Nói chưa
được một câu, anh đã cười, vẫn giọng cười hồn nhiên, khoe với tôi bốn
bài thơ anh làm trong lúc bị giam, và khoe rằng sở dĩ anh được về là nhờ

có sự sáng suốt của Trung ương Đảng.

Tôi đọc kỹ bốn bài thơ đó, và nhìn anh, kinh ngạc. Tôi không thể nghĩ được rằng trong hoàn cảnh bị giam đày đốn thê, anh lại có đủ bình tĩnh làm những bài thơ sáng sủa chan chứa lòng yêu đời, yêu Đảng như thế này. Tôi thấy quý và kính phục người bạn mà tôi cho là rất anh dũng. Tôi khoan khoái đọc to mấy đoạn thơ của anh, anh ngửa mặt lên, tôi chợt nhìn thấy ở cổ anh có một vết sẹo dài nằm ngang cuống họng, thịt mới liền, còn đỏ tươi.

Tôi hiểu cả, không hỏi thêm anh điều gì... Trước mắt tôi, là một người có sức mạnh chống chọi với tủ nhục, với thành kiến, cả đến những lời vu cáo đanh thép nhất cũng rụng dưới chân anh như cỏ héo.

Trước mắt tôi là một người chí tình, tha thiết, đã có những giây phút bốc lên quá nóng nảy cục cằn, đã tự do bừa bãi nhưng không lúc nào ngừng hoạt động vì tiền đồ rục rờ của văn nghệ.

Trước mắt tôi là một con người dũng cảm của Đảng, có thủy có chung, biết tin yêu Đảng vô bờ bến, biết căm ghét những cái thói nát đang làm hại đến uy tín của Đảng, của quân đội...

Trước mắt tôi là Trần Dần.

Trước mắt tôi lúc viết bài này là một chuyện kéo bè để vu cáo trắng trợn, một vụ án văn chương vô cùng oan ức, một tài năng và một tâm hồn trong sạch bị giày xéo.

Trước mắt tôi là lòng tin vào ánh sáng của Đảng. Ánh sáng đó sẽ soi rọi vào bất cứ chỗ nào đang cần bảo vệ giá trị con người.

Nguyễn Văn Lược

Nguồn: [Đàn Chim Việt](#)

[1]Thiếu vài chữ, do bản gốc bị thủng không khôi phục được (các chú thích trong bài của Phạm Thị Hoài)

[2]Trần Dần viết xong tiểu thuyết Người người lớp lớp cuối tháng 9.1954, trước khi lên đường đi Trung Quốc.

[3]Bài thơ dài "Tiếng trống tương lai" hoàn thành tại Bắc Kinh tháng 10.1954

[4]Chuyến đi Trung Quốc kéo dài 2 tháng, từ 10.10 đến khoảng 10.12.1954. Trong đoàn công tác của Trần Dần còn có nhạc sĩ Đỗ Nhuận.

[5]Tác phẩm của Phùng Quán

- [6] Gia đình bà Bùi Thị Ngọc Khuê, vợ Trần Dần, đã di cư vào Nam năm 1954.
[7] Trần Dần bị giam kiểm thảo theo kỉ luật quân đội từ 13.6 đến 14.9.1955
[8] Đó là chuyến đi tham quan Cải cách Ruộng đất đợt 5 tại Bắc Ninh, từ 02.11.1955 đến tháng 2.1956.
[9] Trần Dần bị giam 3 tháng tại nhà tù Hoả Lò, Hà Nội năm 1956. Trong tù, ông đã dùng dao cứa cổ toan tự tử.
[10] Con gái đầu của Trần Dần là Trần Thị Băng Kha.
-

Nguồn: <https://hung-viet.org/p17a29853/mot-goc-nhin-ve-vu-an-nhan-van-giai-pham-2->

www.vietnamvanhien.org

